

UBND TỈNH VĨNH LONG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH LONG



GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: GIÁO DỤC HỌC MẦM NON
NGÀNH/NGHỀ: GIÁO DỤC MẦM NON
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDVL ngày ...tháng....
năm.....của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Vĩnh Long*

Vĩnh Long, năm

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Cuốn giáo trình “**Giáo dục học mầm non**” được biên soạn dùng giảng dạy trong Trường Cao đẳng Vĩnh Long nhằm giới thiệu cho sinh viên một cách hệ thống những vấn đề trọng tâm như nhiệm vụ của giáo viên mầm non, việc tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và dạy dỗ trẻ em lứa tuổi mầm non (từ 0 đến 6 tuổi), sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường, việc chuẩn bị cho trẻ vào trường phổ thông. Cuốn giáo trình này được biên soạn giúp giảng viên và sinh viên nắm vững các kiến thức và tài liệu để giảng dạy và học tập. Giáo trình này được biên soạn dựa trên cơ sở lựa chọn kiến thức cơ bản từ nhiều cuốn giáo trình giáo dục học mầm non của các tác giả như: Đào Thanh Âm, Nguyễn Thị Hòa, Đinh Văn Vang...

Giáo trình này chia làm 5 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung của giáo dục học mầm non

Chương 2: Nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non

Chương 3: Những hình thức tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ em ở trường mầm non

Chương 4: Phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non

Chương 5: Chuẩn bị cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo vào trường phổ thông

Trong quá trình biên soạn có những chỗ diễn đạt lại hoặc lược bớt cho phù hợp với cấu trúc của chương trình và thời lượng. Tôi đã cố gắng thể hiện những phần trọng tâm, tuy nhiên không tránh khỏi những hạn chế trong việc diễn đạt, thể hiện nên rất mong được đón nhận những nhận xét góp ý của các chuyên gia, các đồng nghiệp, các em sinh viên để cuốn giáo trình này hoàn thiện.

Vĩnh Long, ngày.....tháng 04 năm 2022

Tham gia biên soạn

Chủ biên

Nguyễn Hữu Tâm

Tên môn học: GIÁO DỤC HỌC MẦM NON

Mã môn học: VSP60110

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (lý thuyết: 44 giờ; kiểm tra: 1 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

1. Vị trí

Môn học Giáo dục học mầm non là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

- Học phần này cung cấp một số kiến thức về đối tượng, nhiệm vụ, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non.

- Cung cấp cho sinh viên nắm được những hình thức tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ ở trường mầm non.

- Ý nghĩa mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường trong công tác giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non và sự chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo vào trường phổ thông.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục mầm non.

2. Kỹ năng

Hình thành kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ ở trường mầm non cho sinh viên.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Giáo dục cho sinh viên có quan điểm đúng đắn trong công tác chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	2
CHƯƠNG 1:	10
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC MẦM NON	10
1. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP CỦA GIÁO DỤC HỌC MẦM NON	10
1.1. Đối tượng của giáo dục học mầm non	10
1.2. Nhiệm vụ của giáo dục học mầm non	10
1.3. Phương pháp nghiên cứu của giáo dục học mầm non	10
<i>1.3.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận</i>	10
<i>1.3.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn</i>	10
1.4. Mối liên hệ giữa giáo dục mầm non với các khoa học khác	11
<i>1.4.1. Với triết học</i>	11
<i>1.4.2. Với sinh lí học</i>	12
<i>1.4.3. Với tâm lí học</i>	12
<i>1.4.4. Với điều khiển học</i>	12
<i>1.4.5. Với đạo đức và mỹ học</i>	12
2. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIÁO DỤC MẦM NON	12
2.1. Mục tiêu của giáo dục mầm non	12
<i>2.1.1. Mục tiêu của giáo dục mầm non</i>	12
<i>2.1.2. Những y.cầu cần đạt đối với trẻ em từng độ tuổi trong lứa tuổi MN.</i>	14
2.2. Nhiệm vụ của giáo dục mầm non	14
3. BẬC HỌC MẦM NON TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN	14
3.1. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam	14
3.2. Bậc giáo dục mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân	14
4. NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC MẦM NON	14
4.1. Những đặc điểm tăng trưởng và phát triển	14
4.2. Nguyên tắc giáo dục mầm non	14
<i>4.2.1. Khái niệm</i>	14
<i>4.2.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục mầm non</i>	15
CÂU HỎI ÔN TẬP	15
BÀI TẬP THỰC HÀNH	15
CHƯƠNG 2:	16
NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON	16
1. NHỮNG CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC GIÁO DỤC TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON	16

1.1. Cơ sở triết học	16
1.2. Cơ sở sinh lí học	16
1.3. Cơ sở tâm lí học	16
1.4. Cơ sở xã hội học	16
1.5. Cơ sở lí thuyết điều khiển	16
2. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ LỨA TUỔI MẦM NON.	16
2.1. Quan điểm về sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em.	16
2.2. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ em lứa tuổi nhà trẻ	16
2.2.1. Sự tăng trưởng và phát triển về thể chất	16
2.2.2. Sự phát triển vận động	17
2.2.3. Sự phát triển đời sống tâm lí của trẻ	17
2.3. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo	17
2.3.1. Sự tăng trưởng phát triển về thể chất	17
2.3.2. Sự tăng trưởng và phát triển vận động	17
2.3.3. Sự phát triển đời sống tâm lí	17
3. NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRẺ LỨA TUỔI MẦM NON	18
3.1. Giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi mầm non	18
3.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc gd thể chất cho trẻ lứa tuổi mầm non	18
3.1.2. Nhiệm vụ, n.dung và ph.pháp gi.dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ	18
3.1.3. Nhiệm vụ, n.dung và ph.pháp gi.dục th.chất cho trẻ em lứa tuổi MG	19
3.2. Giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi mầm non	21
3.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc GDTT cho trẻ em lứa tuổi mầm non	21
3.2.2. Nhiệm vụ, nội dung và PP GDTT cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ	21
3.2.3. Nhiệm vụ và phương pháp giáo dục trí tuệ cho trẻ lứa tuổi mẫu giáo	23
3.2.4. Phương tiện giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi mầm non	24
3.3. Giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi mầm non	24
3.3.1. Khái niệm và ý nghĩa của giáo dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi mầm non	24
3.3.2. Nhiệm vụ, n.dung và ph.pháp gi.dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ	25
3.3.3. Nhiệm vụ và nội dung phương pháp giáo dục cho trẻ lứa tuổi mẫu giáo	26
3.3.4. Điều kiện và phương tiện giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi mầm non	27
3.4. Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi mầm non	27
3.4.1. Khái niệm và ý nghĩa của giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi mầm non	27
3.4.2. Nhiệm vụ, n.dung và ph.pháp gi.dục thẩm mỹ cho trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ	28
3.4.3. Nhiệm vụ, n.dung và ph.pháp gi.dục thẩm mỹ cho trẻ ở lứa tuổi MG	29
3.4.4. Phương tiện giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em lứa tuổi mầm non	30
3.5. Giáo dục lao động cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo	30

3.5.1. Khái niệm và ý nghĩa của g.dục lao động cho trẻ em lứa tuổi MG	30
3.5.2. Nhiệm vụ giáo dục lao động cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo	31
3.5.3. Đặc điểm lao động của trẻ mẫu giáo	31
3.5.4. Các dạng lao động và nội dung lao động của trẻ ở các nhóm tuổi	31
3.5.5. Những hình thức tổ chức lao động cho trẻ mẫu giáo. (có 3 hình thức)	33
CÂU HỎI ÔN TẬP	34
CHƯƠNG 3:	35
NHỮNG HÌNH THỨC TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG VÀ HOẠT ĐỘNG CHO TRẺ EM Ở TRƯỜNG MẦM NON	35
1. TỔ CHỨC CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON	35
1.1. Nguyên tắc tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ em	35
1.1.1. Chế độ sinh hoạt phải đảm bảo thực hiện được mục tiêu chăm sóc- giáo dục trẻ mầm non	35
1.1.2. Chế độ sinh hoạt phải đảm bảo phù hợp với sự tăng trưởng và phát triển của độ tuổi	35
1.1.3. Chế độ sinh hoạt phải đảm bảo sự cân đối hài hòa giữa nuôi và dạy (chăm sóc và giáo dục), không coi nhẹ mặt nào.	35
1.1.4. Chế độ sinh hoạt phải đ. bảo sự điều hòa giữa hoạt động và nghỉ ngơi	35
1.1.5. Chế độ sinh hoạt phải đảm bảo trình tự ổn định, tránh xáo trộn nhiều nhằm tạo nếp và thói quen cho trẻ	35
1.1.6. Chế độ sinh hoạt phải phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và khí hậu của từng vùng, từng mùa	35
1.2. Chế độ sinh hoạt cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ. Gồm có 6 nội dung	36
1.2.1. Tổ chức đón trẻ. (Có 2 yêu cầu)	36
1.2.2. Tổ chức cho trẻ ăn uống	36
1.2.3. Tổ chức cho trẻ ngủ	36
1.2.4. Tổ chức vệ sinh cá nhân cho trẻ. (gồm có 6 việc)	36
1.2.5. Tổ chức chế độ chơi – tập cho trẻ. (gồm 3 nội dung)	37
1.2.6. Tổ chức trả trẻ	37
1.3. Đặc thù của việc tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ theo các độ tuổi khác nhau	38
1.3.1. Tổ chức chế độ s.h cho trẻ trong năm đầu (lọt lòng đến 12 tháng tuổi)	38
1.3.2. Tổ chức chế độ s.hoạt cho trẻ trong năm thứ hai (12 – 24 tháng tuổi)	41
1.3.3. Tổ chức chế độ s.hoạt hằng ngày cho trẻ năm thứ ba (24-36 tháng tuổi)	43
1.4. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ lứa tuổi mẫu giáo	44
1.4.1. Chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ	44
1.4.2. Tổ chức thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ mẫu giáo	44

2. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VỚI ĐỒ VẬT CHO TRẺ LỨA TUỔI NHÀ TRẺ	47
2.1. Ý nghĩa của hoạt động với đồ vật cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ	47
2.2. Đặc điểm của hoạt động với đồ vật cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ	48
2.3. Phương pháp và biện pháp tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ	48
2.4. Các hình thức tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ	48
2.4.1. Tổ chức hoạt động chơi – tập có chủ định	48
2.4.2. Tổ chức chơi – tập tự do ở các khu vực (góc)	48
2.5. Những yêu cầu khi tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ	48
2.5.1. Yêu cầu về đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho trẻ	48
2.5.2. Yêu cầu về nội dung	48
2.5.3. Yêu cầu về phương pháp, biện pháp hướng dẫn	48
2.5.4. Yêu cầu về tổ chức	48
2.5.5. Hướng dẫn thiết kế chơi - tập (hoạt động với đồ vật)	48
2.6. Đặc thù của việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ theo độ tuổi	49
2.7. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ở nhóm trẻ không cùng độ tuổi	52
3. HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CỦA TRẺ MẪU GIÁO	53
3.1. Khái niệm	53
3.2. Đặc điểm của hoạt động vui chơi	53
3.3. Nguồn gốc và bản chất của hoạt động vui chơi của trẻ mẫu giáo	53
3.3.1. Nguồn gốc	53
3.3.2. Bản chất	53
3.4. Ý nghĩa hoạt động vui chơi đối với trẻ mẫu giáo	53
3.4.1. Chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo	53
3.4.2. Hoạt động vui chơi là ph.tiện gi.dục và ph.triển toàn diện cho trẻ MG	54
3.5. Các loại trò chơi của trẻ mẫu giáo và cách hướng dẫn	54
3.5.1. Trò chơi đóng vai có chủ đề (ĐVCCĐ)	54
3.5.2. Trò chơi đóng kịch (TCDK)	55
3.5.3. Trò chơi lắp ghép – xây dựng	56
3.5.4. Trò chơi học tập	57
3.5.5. Trò chơi vận động	58
4. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CHO TRẺ MẪU GIÁO	59
4.1. Đặc điểm hoạt động học tập cho trẻ mẫu giáo	59
4.2. Nội dung hoạt động học tập cho trẻ mẫu giáo	59
4.3. Những nguyên tắc tổ chức hoạt động học tập có chủ định	59
4.4. Tổ chức ngày hội – ngày lễ ở trường mầm non	60
4.4.1. Ý nghĩa của việc tổ chức ngày hội - ngày lễ ở trường mầm non	60

4.4.2. Một số m.đích y.câu cần đạt khi t.chức ngày hội-ngày lễ ở trường MN	60
4.4.3. Nội dung và hình thức tổ chức ngày hội - ngày lễ ở trường mầm non	60
4.4.4. Tiến trình tổ chức lễ - hội	60
CÂU HỎI ÔN TẬP	61
BÀI TẬP THỰC HÀNH	61
CHƯƠNG 4:	62
PHỐI HỢP GIỮA GIA ĐÌNH VÀ NHÀ TRƯỜNG	62
TRONG GIÁO DỤC TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON	62
1. GIÁO DỤC GIA ĐÌNH VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH TRẺ EM	62
1.1. Khái niệm về gia đình	62
1.2. Khái niệm về giáo dục gia đình	62
1.3. Phương thức giáo dục trẻ trong gia đình	62
1.4. Ý nghĩa của gi.dục gi.đình đối với sự phát triển nhân cách của trẻ	62
2. PHỐI HỢP GIỮA GIA ĐÌNH VÀ NHÀ TRƯỜNG TRONG VIỆC GIÁO DỤC TRẺ EM	63
2.1. Ý nghĩa của sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục trẻ em	63
2.2. Nội dung và hình thức phối hợp giữa gđ và nhà trườn trong công tác giáo dục trẻ	63
CÂU HỎI ÔN TẬP	64
BÀI TẬP THỰC HÀNH	65
CHƯƠNG 5:	65
CHUẨN BỊ CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẪU GIÁO VÀO TRƯỜNG PHỔ THÔNG	65
1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI CHUẨN BỊ CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẪU GIÁO VÀO TRƯỜNG PHỔ THÔNG	65
2. NỘI DUNG CHUẨN BỊ CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẪU GIÁO VÀO TRƯỜNG PHỔ THÔNG	65
2.1. Chuẩn bị tốt về mặt thể lực cho trẻ	65
2.2. Phát triển ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ cho trẻ em	66
2.3. Trang bị cho trẻ những hiểu biết nhất định về thế giới xung quanh	66
2.4. Rèn luyện cho trẻ biết sử dụng các thao tác trí tuệ và hình thành ở trẻ tinh thần yêu thích hoạt động trí óc	66
2.5. Hình thành cho trẻ kh.năng định hướng trong kh.gian và thời gian	66

2.6. Rèn luyện cho trẻ khả năng điều khiển sự tập trung chú ý và sự nỗ lực ý chí trong việc giải quyết những nhiệm vụ trí óc căng thẳng	67
2.7. Giúp trẻ làm quen với hoạt động nghệ thuật	67
2.8. Cho trẻ làm quen với các con số, chữ cái và tập cho trẻ một số kỹ năng cần thiết của hoạt động học tập	67
2.9. Giúp trẻ làm quen với một số hành vi đạo đức và cách ứng xử giữa người với người trong trường phổ thông	68
2.10. Hình thành ở trẻ lòng mong mỏi, ham muốn được đi học, được trở thành một học sinh	68
3. HÌNH THỨC VÀ BIỆN PHÁP CHUẨN BỊ CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẪU GIÁO VÀO TRƯỜNG PHỔ THÔNG	68
3.1. Tổ chức tốt các hoạt động của trẻ ở trường mầm non	68
3.2. Phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục của giáo dục gia đình với giáo dục của trường MN, trong đó giáo dục nhà trường giữ vai trò chủ đạo	69
3.3. Xây dựng mối quan hệ thống nhất giữa giáo dục của trường mầm non với giáo dục của trường tiểu học	69
CÂU HỎI ÔN TẬP	69
TÀI LIỆU THAM KHẢO	70

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC MẦM NON

1. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP CỦA GIÁO DỤC HỌC MẦM NON

1.1. Đối tượng của giáo dục học mầm non

Là quá trình giáo dục trẻ em từ 0 - 6 tuổi, được tổ chức thực hiện một cách có ý thức, có kế hoạch nhằm hình thành ở trẻ những cơ sở ban đầu về nhân cách con người phát triển toàn diện.

1.2. Nhiệm vụ của giáo dục học mầm non

Sau đây là một số định hướng nghiên cứu của khoa học giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay:

- Nghiên cứu tổng thể hiện trạng giáo dục mầm non trong từng khu vực để đánh giá chính xác tình hình, có giải pháp từng bước giải quyết các mâu thuẫn, bất cập.
- Nghiên cứu hoàn thiện mục tiêu giáo dục mầm non, đáp ứng nhu cầu của xã hội trong giai đoạn mới.
- Nghiên cứu nhu cầu của xã hội đối với giáo dục mầm non trong tình hình hiện nay và xu thế phát triển của nó.
- Nghiên cứu các loại hình giáo dục mầm non, xu thế và khả năng phát triển của các loại hình công lập, bán công, dân lập, tư thục ở từng khu vực.
- Nghiên cứu các giải pháp phát triển giáo dục mầm non ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa.
- Nghiên cứu các điều kiện đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng chăm sóc – giáo dục trẻ.
- Nghiên cứu đổi mới công tác quản lý giáo dục mầm non.
- Nghiên cứu các giải pháp đào tạo giáo viên nhằm tăng cường số lượng và đảm bảo chất lượng.
- Xác định rõ những tiêu chí cơ bản trong việc đánh giá, phân loại chất lượng ở mỗi cơ sở giáo dục mầm non của mỗi địa phương theo tiêu chuẩn quốc gia.
- Nghiên cứu bổ sung các thuật ngữ trong giáo dục mầm non.

1.3. Phương pháp nghiên cứu của giáo dục học mầm non

1.3.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận

- Phương pháp phân tích và tổng hợp lí thuyết.
- Phương pháp phân loại và hệ thống hóa lí thuyết.
- Phương pháp cụ thể hóa lí thuyết.
- Phương pháp giả thuyết.

1.3.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

1.3.2.1. Phương pháp quan sát sự phạm.

Quan sát sự phạm là phương pháp thu thập các thông tin về đối tượng nghiên cứu bằng cách tri giác có chủ định đối tượng và các yếu tố có liên quan đến đối tượng.

- Chuẩn bị chu đáo về các mặt: lí luận, thực tiễn, các phương tiện cần thiết có liên quan đến mục đích quan sát.
- Tiến hành qs cẩn thận và có hệ thống.
- Ghi chép khách quan, chính xác (các sự kiện, hiện tượng số liệu).
- Lưu giữ tài liệu quan sát phải cẩn thận và dễ sử dụng.

1.3.2.2. Phương pháp trò chuyện (đàm thoại).

Trò chuyện là phương pháp đặt ra câu hỏi cho người đối thoại và dựa vào câu trả lời của họ để thu thập thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.

1.3.2.3. Phương pháp điều tra.

Điều tra là dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến của họ về một vấn đề nào đó.

1.3.2.4. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm giáo dục.

Tổng kết kinh nghiệm giáo dục là phương pháp đi từ thực tiễn giáo dục, dùng lí luận phân tích thực tiễn, từ phân tích thực tiễn mà rút ra lí luận.

1.3.2.5. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động.

Là phương pháp tìm hiểu con người thông qua sản phẩm do họ tạo ra.

Ví dụ: Nghiên cứu sản phẩm nặn, cắt, xé, dán của trẻ mẫu giáo 5 tuổi để hiểu đặc điểm và khả năng sáng tạo của trẻ.

1.3.2.6. Phương pháp thực nghiệm sự phạm.

Là phương pháp nghiên cứu một cách chủ động, có hệ thống một hiện tượng giáo dục nhằm xác định mối quan hệ giữa tác động giáo dục với hiện tượng giáo dục cần được nghiên cứu trong những điều kiện đã được khống chế.

Thường có hai loại thực nghiệm: thực nghiệm tự nhiên và thực nghiệm trong phòng thí nghiệm.

- Thực nghiệm tự nhiên là những thực nghiệm được tiến hành trong điều kiện bình thường của quá trình sự phạm.

- Thực nghiệm trong phòng thí nghiệm là những thực nghiệm được tiến hành trong những điều kiện khống chế nhằm xác định mặt định tính, định lượng và bản chất của hiện tượng giáo dục.

1.4. Mối liên hệ giữa giáo dục mầm non với các khoa học khác

1.4.1. Với triết học

Giáo dục học mầm non lấy triết học duy vật biện chứng làm cơ sở phương pháp luận để có cách tiếp cận đúng đắn với con người trong việc xd lí luận khoa học và tổ chức khoa học quá trình giáo dục trẻ em.

1.4.2. Với sinh lí học

Sinh lí học được coi là cơ sở tự nhiên của giáo dục học.

1.4.3. Với tâm lí học

Tâm lí học trang bị cho giáo dục học cơ sở khoa học về việc xây dựng lí luận và tổ chức hoạt động thực tiễn giáo dục trẻ em theo thời kì, với những đặc điểm tâm lí theo lứa tuổi.

1.4.4. Với điều khiển học

Là một khoa học nghiên cứu logic của những quá trình trong tự nhiên và xây dựng, xác định những cái chung, quy định những điều kiện vận hành các quá trình đó.

1.4.5. Với đạo đức và mỹ học

Đạo đức học, mỹ học giúp cho việc xây dựng cơ sở phương pháp luận và xác định nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục đạo đức, giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non.

2. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIÁO DỤC MẦM NON

2.1. Mục tiêu của giáo dục mầm non

Mục tiêu của giáo dục mầm non thể hiện ở việc xác định mục tiêu chung và những yêu cầu chủ yếu đối với việc phát triển nhân cách mà trẻ em Việt Nam đến 6 tuổi (trước khi bước vào lớp Một) phải đạt được qua việc nhận sự gd của gia đình và trường mầm non.

2.1.1. Mục tiêu của giáo dục mầm non

Giáo dục mầm non là một bộ phận trong hệ thống giáo dục quốc dân. Giáo dục mầm non nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 3 tháng - 6 tuổi (Điều 21 – Luật giáo dục năm 2005).

Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một (Điều 22 Luật giáo dục).

2.1.1.1. Mục tiêu giáo dục mầm non ở cuối tuổi nhà trẻ.

[]. Phát triển thể chất.

- Trẻ khỏe mạnh, cơ thể phát triển cân đối. Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A.
- Thực hiện được các vận động cơ bản.
- Thích nghi với môi trường sinh hoạt ở trường mầm non
- Có thói quen tự phục vụ trong ăn uống, vệ sinh cá nhân.

[]. Phát triển nhận thức.

- Thích tìm hiểu thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm các giác quan: vị giác, khứu giác, vị giác, thính giác, thị giác.
- Nhận biết được về bản thân, một số sự vật hiện tượng quen thuộc gần gũi.
- Có khả năng quan sát, chú ý, ghi nhớ, phát triển tư duy trực quan – hành động và tư duy trực quan - hình ảnh.

[]. Phát triển ngôn ngữ.

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói của người khác.
- Diễn đạt được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Có khả năng hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản.

[]. Phát triển tình cảm – xã hội.

- Mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Biết được một số việc được phép làm và không được phép làm.
- Biết thể hiện cảm xúc trước cái đẹp. Thích múa hát, đọc thơ, nghe kể chuyện, vẽ, nặn, cắt dán, xếp hình...

2.1.1.2. Mục tiêu giáo dục mầm non ở cuối tuổi mẫu giáo.

[]. Phát triển thể chất.

- Trẻ khỏe mạnh, cơ thể phát triển cân đối. Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động, biết định hướng trong không gian.
- Thực hiện được một số vận động của đôi tay một cách khéo léo.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt về giữ gìn sức khỏe, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và biết cách bảo đảm sự an toàn.

[]. Phát triển nhận thức.

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi những sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý và ghi nhớ có chủ định.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân, môi trường tự nhiên và xã hội.

[]. Phát triển ngôn ngữ.

- Nghe và hiểu được lời nói trong giao tiếp.
- Có khả năng diễn đạt bằng lời nói rõ ràng để thể hiện ý muốn cảm xúc của mình và của người khác.
- Có một số biểu tượng và việc đọc và việc viết để vào lớp Một.

[]. Phát triển tình cảm – xã hội.

- Mạnh dạn, hồn nhiên, tự tin, lễ phép trong giao tiếp.
- Nhận ra một số trạng thái cảm xúc và thể hiện tình cảm phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.
- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt, có ý thức tự phục vụ, kiên trì thực hiện công việc được giao.
- Yêu quý gia đình, trường lớp và nơi sinh sống.
- Quan tâm hợp tác chia sẻ với những người gần gũi.
- Quan tâm chăm sóc vật nuôi, cây trồng và bảo vệ môi trường.

[]. Phát triển thẩm mỹ.

- Cảm nhận được vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có nhu cầu, hứng thú khi tham gia vào các hoạt động múa, hát, vận động theo nhạc, đọc, kể chuyện, đóng kịch... và biết thể hiện cảm xúc sáng tạo thông qua các hoạt động đó.

2.1.2. Những yêu cầu cần đạt đối với trẻ em từng độ tuổi trong lứa tuổi MN

Nghiên cứu chương trình giáo dục mầm non ban hành theo quyết định số 5205/QĐ/BGDĐT ngày 19 tháng 9 năm 2006.

2.2. Nhiệm vụ của giáo dục mầm non

- Không ngừng đổi mới nội dung và phương pháp chăm sóc – giáo dục nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc – giáo dục trẻ.
- Thu hút ngày càng nhiều trẻ em trong độ tuổi vào các loại hình chăm sóc – giáo dục trẻ thích hợp, trong đó nòng cốt là nhà trẻ, trường mầm non để thực hiện tốt mục tiêu giáo dục mầm non mà Bộ GD - ĐT đã ban hành.
- Kết hợp chặt chẽ với gia đình và các tổ chức xã hội trong công tác chăm sóc – giáo dục trẻ.

3. BẬC HỌC MẦM NON TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

3.1. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam

Gồm 4 bậc sau:

- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục phổ thông;
- Giáo dục chuyên nghiệp;
- Giáo dục đại học.

3.2. Bậc giáo dục mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên – bậc học nền tảng trong hệ thống giáo dục quốc dân. Nhiệm vụ cơ bản của giáo dục mầm non là hình thành cho trẻ những cơ sở ban đầu về nhân cách con người mới, phát triển toàn diện, hài hòa và cân đối, tạo điều kiện tốt cho những bước phát triển sau này.

Phương thức giáo dục ở lứa tuổi này vừa mang màu sắc gia đình mẹ con (cô giáo như mẹ hiền). Phương châm giáo dục chủ đạo ở lứa tuổi này là “Học mà chơi – chơi mà học”. Nội dung giáo dục ở lứa tuổi này mang tính tích hợp.

4. NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC MẦM NON

4.1. Những đặc điểm tăng trưởng và phát triển

- + Tăng trưởng là quá trình trong đó các bộ phận của cơ thể được thay đổi về số đo (kích thước, số lượng).
- + Phát triển là quá trình trong đó có sự hình thành và hoàn thiện, đa dạng hóa, phức tạp hóa các chức năng của con người (biết đi, chạy, nói...).

4.2. Nguyên tắc giáo dục mầm non

4.2.1. Khái niệm

Nguyên tắc giáo dục mầm non là những luận điểm cơ bản có tác dụng chỉ đạo việc lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ của ngành học mầm non.

4.2.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục mầm non

Gồm các nguyên tắc giáo dục sau:

1. Giáo dục mầm non cần đảm bảo tính mục đích.
2. Đảm bảo cân đối giữa chăm sóc và giáo dục trẻ.
3. Tổ chức cuộc sống và hoạt động phù hợp với từng lứa tuổi.
4. Đảm bảo các tác động đồng bộ đến nhân cách của trẻ.
5. Đảm bảo tính hệ thống, tính liên tục trong quá trình giáo dục trẻ.
6. Kết hợp giữa vai trò chủ đạo của giáo viên với tính tích cực, chủ động của trẻ.
7. Kết hợp giáo dục trong nhóm (tập thể) với từng trẻ.
8. Kết hợp chặt chẽ giữa việc chăm sóc giáo dục trẻ ở trường với gia đình.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Hãy nêu đối tượng của giáo dục mầm non.
2. Hãy trình bày các phương pháp nghiên cứu của giáo dục mầm non..
3. Phân tích khái niệm mục đích, mục tiêu của giáo dục mầm non..
4. C/m rằng bậc học mầm non là bậc học nền tảng của hệ thống giáo dục quốc dân.
5. Thế nào là nguyên tắc giáo dục mầm non?
6. Hãy phân tích từng nguyên tắc giáo dục mầm non và phương hướng thực hiện các nguyên tắc đó trong thực tiễn chăm sóc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non hiện nay.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Dựa vào xu thế phát triển của xã hội và thời đại rút ra nhận xét về chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam hiện hành.
2. Theo dõi, ghi chép, mô tả về quá trình hình thành và phát triển nhân cách của một trẻ em mà bạn gần gũi.

CHƯƠNG 2:

NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON

1. NHỮNG CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC GIÁO DỤC TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON

1.1. Cơ sở triết học

Triết học duy vật biện chứng cung cấp sở khoa học cho việc xác định bản chất con người, nguồn gốc của ý thức và mối giữa các quá trình giáo dục với các quá trình khác, chỉ ra nguyên lí của sự phát triển nhân cách con người.

1.2. Cơ sở sinh lí học

Cung cấp cho ta biết các dữ kiện và sự phát triển của hệ thần kinh cấp cao, các kiểu loại thần kinh...

1.3. Cơ sở tâm lí học

Tâm lí học trang bị cho giáo dục học cơ sở khoa học về việc xây dựng lí luận và tổ chức hoạt động thực tiễn giáo dục cho trẻ phù hợp với đặc điểm phát triển tâm lí lứa tuổi.

1.4. Cơ sở xã hội học

Xã hội học cung cấp cho giáo dục những tri thức về bản chất của hiện thực xã hội và con người; chỉ ra những quy luật, tính quy luật và cơ chế nảy sinh, vận động, phát triển của các quá trình giáo dục, của mối tác động qua lại giữa giáo dục với đời sống kinh tế - xã hội.

1.5. Cơ sở lí thuyết điều khiển

Điều khiển học là cơ sở khoa học quan trọng giúp cho giáo dục học tổ chức tốt quá trình giáo dục mầm non.

2. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ LỨA TUỔI MẦM NON.

2.1. Quan điểm về sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em.

- Tăng trưởng là một quá trình trong đó các bộ phận của cơ thể có sự thay đổi về số đo (kích thước, khối lượng).

- Phát triển là quá trình trong đó có sự hình thành, hoàn thiện, đa dạng hóa các chức năng của con người và sự phát triển mang tính tổng thể.

2.2. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ em lứa tuổi nhà trẻ

2.2.1. Sự tăng trưởng và phát triển về thể chất

[] Về trọng lượng:

Trọng lượng lúc mới sinh cân nặng từ 3 - 3,5kg, 3 tháng đầu, trung bình mỗi tháng tăng từ 600 – 900g.

[] Chiều cao:

Lúc mới sinh chỉ khoảng 45 – 50 cm, trong năm đầu trẻ cao trung bình từ 2 -3cm, cuối năm trẻ cao từ 75 – 80cm, năm thứ 2 chỉ tăng khoảng 1cm/ tháng, năm thứ 3 khoảng 0,5cm/thg.

2.2.2. Sự phát triển vận động

Cuối tuổi nhà trẻ, các vận động trườn, bò, chạy nhảy ngày càng trở nên hoàn thiện. Đang chạy có thể quay sang phải, sang trái được.

2.2.3. Sự phát triển đời sống tâm lí của trẻ

[] Phát triển nhận thức.

Cùng với hệ thống phản xạ là sự xuất hiện cảm giác. Lúc đầu là những cảm giác bất phân. Sau đó là những cảm giác được phân hóa: trẻ nhận được thế giới xung quanh qua các giác quan

[] Trí nhớ phát triển:

Trẻ phân biệt được người lạ với người quen nhận ra được những đồ chơi quen thuộc và hoạt động có đối tượng được hình thành.

[] Sự phát triển cảm xúc – xã hội.

Ngay từ cuối tháng đầu tiên của cuộc đời trẻ bắt đầu mỉm cười với người lớn (phức cảm hơn hờ). Lúc đầu không phân biệt lạ quen, đến tháng thứ 6 -7 trẻ mới phân biệt được. Tình cảm của trẻ còn mang nặng màu sắc xúc cảm.

[] Sự phát triển ngôn ngữ.

Sang tháng thứ 2 trẻ biết “hóng chuyện”, thích nhìn vào mặt người lớn khi người lớn nói chuyện .

Sang năm thứ 2, do tiếp xúc nhiều với thế giới đồ vật, nhu cầu giao tiếp của trẻ phát triển. Trẻ có khả năng diễn đạt bằng lời để người lớn hiểu được ý muốn của mình.

2.3. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo

2.3.1. Sự tăng trưởng phát triển về thể chất

Sự phát triển chiều cao diễn ra nhanh hơn trọng lượng, trẻ như gầy đi, mắt vẻ tròn chĩnh, mập mạp đã có ở tuổi nhà trẻ.

2.3.2. Sự tăng trưởng và phát triển vận động

Trẻ có thể trườn, bò, leo trèo một cách linh hoạt ở mọi địa hình với sự phối hợp chính xác giữa tay và chân. Trẻ đi, chạy nhảy, ném bắt, chuyền nhanh, chính xác khéo léo với sự phối hợp của thị giác với vận động của tay và chân...

2.3.3. Sự phát triển đời sống tâm lí

[] Sự phát triển nhận thức:

- Phát triển về sự nhận cảm (màu sắc, hình dạng, kích thước, trọng lượng, âm thanh...)

- Phát triển về tư duy, tưởng tượng.

[] Sự phát triển đời sống tình cảm.

Trẻ thêm khát sự triu mến yêu thương và cũng rất sợ thái độ thờ ơ lạnh nhạt của những người xung quanh đối với mình và ngược lại.

[] Sự phát triển ngôn ngữ.

Ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo có những bước phát triển vượt bậc về vốn từ, khả năng nắm ngữ pháp và ngôn ngữ mạch lạc. Vốn từ của trẻ ngày càng nhiều, phong phú về thể loại (danh từ, động từ, tính từ...). Trẻ thành thạo sử dụng ngữ pháp tiếng mẹ đẻ

3. NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRẺ LỨA TUỔI MẦM NON

3.1. Giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi mầm non

3.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc gd thể chất cho trẻ lứa tuổi mầm non

[] Khái niệm.

Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non là quá trình tác động đến nhiều mặt vào cơ thể trẻ, tổ chức cho trẻ vận động và sinh hoạt hợp lí nhằm bảo vệ và làm cho cơ thể trẻ được khỏe mạnh, phát triển hài hòa, cân đối, tạo cơ sở phát triển toàn diện cho trẻ.

[] Ý nghĩa.

Đứa trẻ khỏe mạnh, phát triển hài hòa, cân đối về cơ thể là cơ sở về mặt thể chất để phát triển toàn diện nhân cách và tâm lí của trẻ sau này.

Nhờ có giáo dục thể chất tốt thì hệ thần kinh và các giác quan của trẻ được phát triển đầy đủ, tinh tường, trẻ nhận thức thế giới khách quan được chính xác, phong phú.

Cơ thể khỏe mạnh giúp trẻ trở nên hoạt bát, hồn nhiên hơn và có những xúc cảm, tình cảm lành mạnh với mình, với người khác và với thế giới xung quanh, đồng thời rèn luyện những nét tính cách tích cực như tính tự chủ, ý thức tổ chức kỉ luật, tính tự lập...

3.1.2. Nhiệm vụ, nội dung và phg pháp giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

[] Nhiệm vụ.

- Bảo vệ và tăng cường sức khỏe cho trẻ.
- Phát triển và hoàn thiện các vận động của trẻ.
- Hình thành thói quen văn hóa vệ sinh ban đầu cho trẻ.

[] Nội dung và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ.

Tổ chức chế độ sinh hoạt hằng ngày hợp lí.

Những nội dung chủ yếu trong chế độ sinh hoạt của trẻ lứa tuổi nhà trẻ và cách thực hiện.

** Tổ chức ăn uống cho trẻ:*

- Hàng ngày cần tổ chức cho trẻ ăn đủ chất dinh dưỡng và uống đủ nước. Tùy theo từng độ tuổi mà có chế độ ăn uống cho phù hợp.
- Cần tổ chức cho trẻ ăn hợp lí, đúng giờ đảm bảo vệ sinh.

Những yêu cầu cơ bản khi cho trẻ ăn:

. Trước khi cho trẻ ăn uống, cần vệ sinh tay chân, mặt mũi và đeo yếm cho trẻ, thức ăn phải nấu chín ko quá nóng cũng không quá lạnh

. Trong quá trình ăn: Tạo cho trẻ ăn ngon miệng, ăn hết tiêu chuẩn

. Sau khi cho trẻ ăn: Cần giúp cho trẻ vệ sinh miệng, chân tay và uống nước tráng miệng; không để trẻ vận động mạnh, không cho trẻ ngủ ngay sau khi ăn.

** Tổ chức cho trẻ ngủ:*

- Tạo mọi điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi để trẻ ngủ sâu, ngon giấc trong một thời gian hợp lí.

- Tập cho trẻ có thói quen ngủ đúng giờ, đã nằm là ngủ ngay.

Quá trình tổ chức cho trẻ ngủ và những yêu cầu cho trẻ ngủ.

. Trước khi trẻ ngủ: Tạo cho trẻ cảm giác thoải mái, yên ổn khi đi ngủ.

. Trong khi trẻ ngủ: Cần tạo ra một không gian yên tĩnh, đầm ấm, an toàn cho trẻ. Hát ru, sự vỗ về âu yếm là rất cần thiết khi cho trẻ ngủ.

. Sau giấc ngủ: Khi trẻ thức tỉnh không nên cho trẻ dậy ngay mà cần cho trẻ nằm chơi một mình. Sau đó cho trẻ đi vệ sinh và rửa mặt cho trẻ.

** Tổ chức vệ sinh cá nhân cho trẻ.*

Cần tổ chức vệ sinh cho trẻ như vệ sinh thân thể, vệ sinh răng miệng, mắt, mũi tay họng; vệ sinh quần áo cho trẻ, tập cho trẻ đi tiểu tiện có giờ giấc, đúng nơi quy định.

** Tổ chức chế độ chơi tập cho trẻ.*

Chế độ chơi tập chỉ có ý nghĩa đối với sự phát triển của trẻ khi nó được tính toán một cách hợp lí sự luân phiên giữa hoạt động tĩnh và hoạt động động. Rèn luyện cho trẻ thích nghi tốt hơn với điều kiện sống, với môi trường thì cần phải tổ chức cho trẻ hoạt động ngoài trời, được tiếp xúc với môi trường thiên nhiên để tăng sức đề kháng cho cơ thể.

[] Tổ chức tập luyện và phát triển vận động cho trẻ tuổi nhà trẻ.

Khi lập chương trình tập luyện phát triển vận động cho trẻ cần quán triệt các nguyên tắc sau:

- Chọn các bài tập, trò chơi vận động phù hợp với lứa tuổi.
- Khi luyện tập cần tùy thuộc theo độ tuổi và đặc điểm riêng của từng trẻ.
- Luyện tập cho trẻ một cách có hệ thống từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.
- Dụng cụ tập luyện của trẻ phải phù hợp với vận động cần tập luyện cho trẻ, phải hấp dẫn – thu hút trẻ tích cực vận động (màu sắc, hình thức ngộ nghĩnh, có thể phát ra âm thanh...) và an toàn đối với trẻ.

3.1.3. Nhiệm vụ, nội dung và phng pháp gđục thể chất cho trẻ em lứa tuổi MG

[] nhiệm vụ.

- Tiếp tục bảo vệ và tăng cường sức khỏe, đảm bảo sự tăng trưởng hài hòa của trẻ.
- Rèn luyện các kĩ năng, kĩ xảo vận động cơ bản và những phẩm chất vận động.

- Giáo dục nếp sống, kỹ năng và thói quen vệ sinh.

[] Nội dung và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo.

* *Giáo dục các kỹ năng và thói quen vệ sinh gồm những nội dung cơ bản sau:*

- Vệ sinh thân thể.

- Vệ sinh ăn uống.

* *Tổ chức ăn cho trẻ.*

- Phòng ăn sạch sẽ, thoáng mát. Bàn ghế sắp xếp thuận tiện cho trẻ ngồi xuống và đứng lên.

- Bàn ăn bát đĩa phải phù hợp với lứa tuổi và được xếp có thẩm mỹ, giản tiện.

- Trước khi ăn khoảng nửa giờ, cần kết thúc các buổi đi dạo, các trò chơi đòi hỏi sự cân bằng.

- Hình thành cho trẻ các kỹ năng và thói quen ăn có văn hóa.

- Phát hiện nguyên nhân trẻ ăn ko ngon miệng và đưa ra biện pháp khắc phục.

- Cần tìm hiểu kỹ nguyên nhân làm cho trẻ em ăn ko ngon miệng.

* *Tổ chức cho trẻ ngủ.*

- Ngay từ đầu cần rèn luyện cho trẻ có thái độ tích cực đối với giấc ngủ.

- Cần tạo ra những điều kiện thuận lợi nhất cho trẻ ngủ nhanh, ngủ sâu vào những giờ giấc đã định cho giấc ngủ.

- Cần tạo ra trạng thái yên tĩnh cần thiết trước giờ ngủ.

- Cho trẻ ngủ đúng giờ

- Không gây cảm xúc tiêu cực và tạo ra hưng phấn cao ở vùng vỏ đại não.

+ *Chăm sóc cho trẻ lúc ngủ.*

- Đặt cho trẻ ngủ với thái độ ân cần, giúp trẻ nằm đúng tư thế.

- Giúp đỡ cho các trẻ yếu.

- Do sự khác biệt cá nhân, nên cho trẻ ngủ và thức dậy theo nhóm mà ko nên làm đồng loạt.

* *Sự phát triển vận động.*

Đối với trẻ MG cần chú ý ptr các vận động đi, chạy, nhảy, leo trèo, ném, bắt... rèn cho trẻ thói quen vận động hợp lý, biết kiềm hãm khi cần thiết và rèn các phẩm chất thể lực.

Để phát triển các vận động trên có thể tiến hành thông qua nhiều hình thức phù hợp với trẻ như:

- Thông qua các bài tập thể dục theo chương trình

- Thông qua các bài tập thể dục buổi sáng như đi, chạy nhảy, xếp đội hình...

- Thông qua những trò chơi vận động phù hợp với lứa tuổi để phát triển vận động và các phẩm chất thể lực cho trẻ.

[] Phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi mầm non.

- Chế độ sinh hoạt hợp lí, phù hợp với từng độ tuổi.
- Môi trường thiên nhiên xung quanh trẻ như ánh sáng, ko khí, nước sạch, cây xanh.
- Các bài tập, các hình thức tổ chức hoạt động như: lẫy, bò, ngồi, đi ,đứng, chạy, nhảy, cử động của bàn tay, ngón tay...

3.2. Giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi mầm non

3.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc GDĐT cho trẻ em lứa tuổi mầm non

[] Khái niệm.

GDĐT là một quá trình SP được tổ chức đặc biệt nhằm hình thành những trí thức và kĩ năng sơ đẳng phát triển những năng lực và nhu cầu hoạt động trí tuệ ở trẻ em.

[] Ý nghĩa.

- GDĐT thực hiện việc truyền thụ những tri thức cần thiết để hiểu cho trẻ em về thế giới xung quanh một cách đúng đắn, chính xác và hệ thống hóa những tri thức đó.
- GDĐT còn góp phần hình thành hứng thú nhận thức, rèn luyện các kĩ năng kĩ xảo hoạt động trí tuệ, phát triển năng lực nhận thức, phát triển tư duy tích cực của trẻ.
- GDĐT là một bộ phận của gd toàn diện, nó có liên quan mật thiết với các mặt giáo dục khác như đức dục, thẩm mỹ...

3.2.2. Nhiệm vụ, nội dung và PP GDĐT cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

[] Nhiệm vụ:

- Hình thành và phát triển hoạt động nhận cảm
- Giúp trẻ thông hiểu ngôn ngữ một cách đơn giản và tập diễn đạt bằng ngôn ngữ về nhu cầu, nguyện vọng của mình cho người khác hiểu được.
- Hình thành những biểu tượng sơ đẳng về thế giới xung quanh và phát triển năng lực tư duy trực quan hành động cho trẻ.

[] Nội dung và phương pháp GDĐT cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ.

Giáo dục và phát triển hoạt động nhận cảm cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ.

+ Ý nghĩa:

- Về phương diện trí tuệ, hđ nhận cảm là hđ chiếm ưu thế, đánh dấu sự khôn lớn của trẻ.
- Đây cơ hội vàng để phát triển trí tuệ và khó có thể bù đắp lại cho trẻ vào những giai đoạn sau.
- Nếu quá trình truyền thụ kinh nghiệm cho trẻ có sự hướng dẫn có chủ định của người lớn sẽ đảm bảo và tạo điều kiện cho sự phát triển của trẻ có hiệu quả hơn.
- Nhận thức cảm tính (Cg, Tgiác) là cơ sở của nhận thức lý tính (Tduy, TT).

+ Nội dung :

. Trong năm đầu:

- Phát triển và giáo dục nhận cảm vận động (lẫy, bò, ngồi, tập đi...) và các cử động của bàn tay, ngón tay.

- Phát triển xúc giác, thị giác, thính giác.
- Luyện tập cho trẻ biết phối hợp thị giác, thính giác với vận động.

Năm thứ hai, thứ ba:

- Hình thành và phát triển năng lực nhận cảm như phân biệt được độ lớn, màu sắc, hình dáng, âm thanh của đồ vật, vị trí không gian của đồ vật so với các đồ vật khác.
- Tiếp tục phát triển cảm giác vận động, hình thành chuẩn cảm giác (màu sắc, mùi vị) khả năng định hướng không gian và thời gian.

+ *Phương pháp:*

- Tổ chức hoạt động giao lưu trẻ với những người xung quanh.
- Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ trong các giờ chơi tập, chơi tự do...
- Tổ chức cho trẻ thực hiện các bài luyện tập giác quan nhằm phát triển cảm giác, tri giác, vận động cho trẻ.

Phát triển ngôn ngữ cho lứa tuổi nhà trẻ:

+ *Ý nghĩa:*

- Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp, phương tiện nhận thức thế giới xung quanh của con người.
- Ngôn ngữ phát triển kéo theo năng lực định hướng trong môi trường xung quanh được phát triển.
- Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ dưới 3 tuổi còn liên quan chặt chẽ đến sự phát triển tư duy trực quan hành động, sự chú ý, trí nhớ của trẻ.

+ *Nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ:*

Trong năm đầu:

- Hình thành và phát triển nhu cầu giao tiếp bằng ngôn ngữ.
- Tập cho trẻ nghe và phát âm những từ quen thuộc.

Trong năm thứ hai, thứ ba:

- củng cố và nâng cao nhu cầu giao tiếp bằng ngôn ngữ cho trẻ.
- Phát triển vốn từ giúp trẻ hiểu và làm theo lời nói của người khác.

+ *Phương pháp:*

- Hình thành và phát triển nhu cầu giao tiếp bằng ngôn ngữ cho trẻ càng sớm càng tốt.
- Thường xuyên gần gũi, nói chuyện và âu yếm trẻ (ngay cả khi trẻ chưa biết nói).
- Tổ chức các hoạt động với đồ vật, tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc với người lớn.
- Trong hoạt động cũng như trong sinh hoạt cuộc sống, điều gì trẻ đã biết nên hỏi trẻ để trẻ trả lời.
- Tập cho trẻ nói rõ ràng, mạch lạc.
- Người lớn phải nói đúng từ, đúng câu, rõ ý, không nói trống không, lời nói có âm điệu, có hình ảnh (trẻ dễ bắt chước).

* *Hình thành biểu tượng sơ đẳng về thế giới xung quanh và phát triển năng lực tư duy trực quan hành động cho trẻ.*

3.2.3. *Nhiệm vụ và phương pháp giáo dục trí tuệ cho trẻ lứa tuổi mẫu giáo*

3.2.3.1. *Nhiệm vụ:*

[] Hình thành cho trẻ những biểu tượng sơ đẳng về cuộc sống xung quanh và bản thân.

- Giúp trẻ tiếp xúc và khám phá thế giới hiện thực để có được hình ảnh chung về thế giới tự nhiên, xã hội, con người;
- Thương xuyên tăng cường vốn tri thức cho trẻ, sắp xếp giải thích và hệ thống hóa các tri thức đó.
- Giúp trẻ có những biểu tượng sơ đẳng về sự vật xung quanh, chức năng và một số phẩm chất của chúng (màu sắc, kích thước, hình dáng, tính chất, vật liệu: dễ vỡ, dễ gãy, dễ nặn...).

[] Phát triển các quá trình tâm lý nhận thức.

- Phát triển các quá trình tâm lý nhận thức như cảm giác, tri giác, ghi nhớ, tưởng tượng, tư duy và ngôn ngữ;
- Hình thành ở trẻ năng lực ghi nhớ có ý thức, tăng khối lượng ghi nhớ, rèn luyện ghi nhớ có chủ định ở trẻ, phát triển trí tưởng tượng;
- Phát triển ở trẻ tư duy trực quan - hành động, tư duy trực quan hình tượng và tiến tới phát triển tư duy logic;
- Phát triển ngôn ngữ ở trẻ, làm phong phú vốn từ, hình thành hệ thống ngữ pháp, biết đặt câu, phát triển ngôn ngữ nói mạch lạc.

[] Phát triển lòng ham hiểu biết và năng lực trí tuệ.

- Luôn đặt ra câu hỏi, tích cực khám phá và nhận thức thế giới xung quanh, nhu cầu muốn xem xét, sờ mó và hành động.
- Tổ chức cho trẻ quan sát, cố gắng trả lời những thắc mắc, hướng trẻ tự tìm ra câu trả lời.

Năng lực trí tuệ của con người được biểu hiện ở những dấu hiệu sau đây:

- Sự nhanh trí (phản ứng trí tuệ nhanh);
- Có khả năng nhận xét, đánh giá các sự vật, hiện tượng một cách đúng đắn;
- Khả năng sử dụng các cách khác nhau để giải đáp đúng, để giải quyết nhiệm vụ trí tuệ.

3.2.3.2. *Nội dung và PP giáo dục cho trẻ lứa tuổi mẫu giáo .*

[] Nội dung, phương pháp hình thành và phát triển những tri thức về các đối tượng và hiện tượng xung quanh.

* *Nội dung:*

- Cô giáo dạy trẻ biết gọi tên, tính chất, chức năng, cách sử dụng những đồ vật gần gũi quen thuộc dùng trong đời sống hằng ngày ở gia đình và ở trường.
- Những biểu tượng sơ đẳng về các hiện tượng tự nhiên
- Hình thành những biểu tượng toán học sơ đẳng

** Phương pháp:*

- Cần thiết kể trong nội dung các hoạt động có những nội dung về mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng

[] Nội dung, phương pháp hình thành và phát triển năng lực hoạt động trí tuệ cho trẻ mẫu giáo.

- Bồi dưỡng năng lực quan sát các sự vật hiện tượng xung quanh: Quan sát những hiện tượng tự nhiên, những biến đổi trong tự nhiên, trong xã hội.
- Phát triển năng lực phân tích đối tượng trong quá trình quan sát chúng.
- Phát triển năng lực so sánh trong quá trình nhận thức các sự vật hiện tượng.
- Phát triển năng lực khái quát hóa trong quá trình nhận thức các sự vật hiện tượng.
- Phát triển óc suy luận cho trẻ trong quá trình nhận thức các sự vật hiện tượng.
- Bồi dưỡng năng lực và áp dụng tri thức, kỹ năng đã biết vào cuộc sống muôn hình, muôn vẻ.

3.2.4. Phương tiện giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi mầm non

3.2.4.1. Phương tiện giáo dục trí tuệ trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.

Gồm 4 loại:

- Chơi - tập hay còn gọi là “tiết học – trò chơi“;
- Chơi tự do với đồ vật, đồ chơi (vào đầu giờ sáng, thời gian đón trẻ, sau khi ngủ dậy, thời gian trả trẻ);
- Hoạt động khác trong ngày (đi dạo, khi ăn, khi mặc quần áo, vệ sinh cá nhân) của trẻ dưới sự tổ chức, hướng dẫn của người lớn;
- Ngôn ngữ.

3.2.4.2. Phương tiện giáo dục trí tuệ cho trẻ mẫu giáo.

Gồm có 4 loại:

- Tìm hiểu môi trường xung quanh và sinh hoạt hàng ngày;
- Trò chơi;
- Lao động;
- Dạy học.

3.3. Giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi mầm non

3.3.1. Khái niệm và ý nghĩa của giáo dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi mầm non

3.3.1.1. Khái niệm:

Giáo dục đạo đức là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch nhằm trang bị cho trẻ những hiểu biết sơ đẳng về những yêu cầu của chuẩn mực hành vi đạo đức trong

các mqh ứng xử, rèn cho trẻ có tình cảm, hành vi và thói quen đúng đắn trong các mối quan hệ ứng xử hằng ngày trong cuộc sống.

3.3.1.2. Ý nghĩa

- Người lớn cần phải uốn nắn những nhận thức, hành vi thái độ lệch chuẩn của trẻ ngay từ bé, tránh để những lệch lạc ấy trở thành thói quen khó sửa, khó uốn nắn.
- Giáo dục đạo đức còn ảnh hưởng đến gd thể chất, trí tuệ, lao động và thẩm mỹ cho trẻ.

3.3.2. Nhiệm vụ, nội dung và phg pháp giáo dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

3.3.2.1. Nhiệm vụ

Gồm những nhiệm vụ cơ bản sau:

- Phát triển ở trẻ những xúc cảm, tình cảm lành mạnh đối với mọi người gần gũi xung quanh

Trẻ biết yêu thương gắn bó, quan tâm tới người thân, hồ hởi khi chào hỏi người lớn, biết thực hiện những yêu cầu của người lớn, có thái độ thân thuộc với bạn bè cùng tuổi.

- Tập cho trẻ thói quen vệ sinh, ngăn nắp, thật thà... trong sinh hoạt cũng như chơi tập.

3.3.2.2. Nội dung và phương pháp giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.

[] Phát triển cảm xúc lành mạnh cho trẻ.

- Những cử chỉ âu yếm, vỗ về, những bài hát ru để đưa trẻ vào giấc ngủ đã gieo vào lòng trẻ bao cảm xúc đẹp đẽ, êm đềm.

- Người mẹ và cô nuôi dạy trẻ cần dành thời gian để “nói chuyện” với trẻ càng nhiều càng tốt.

- Người lớn cần tạo điều kiện để trẻ được bộc lộ tình cảm của mình với người thân (hôn mẹ, hôn cô, sờ râu vuốt má bố, ...) tuyệt đối không được dọa nạt trẻ (ma, cọp, bóng đêm, ...) làm trẻ kinh hoàng.

[] Dạy trẻ biết yêu quý người thân, gắn bó với bạn bè, biết nghe lời người lớn.

- Bằng tình yêu thương, đùm bọc của người lớn, đưa trẻ trở nên yêu thương, gắn bó với cha, mẹ ông, bà, cô giáo và bạn bè trong cuộc sống hằng ngày.

- Cần làm cho trẻ dần dần hiểu được những người thân trong gia đình (ông, bà, cha, mẹ, ..) và cô là những người trực tiếp chăm sóc trẻ hằng ngày và là những người dành cho trẻ tình yêu thương nhiều nhất, nên phải biết yêu quý nghe lời ông, bà, cha, mẹ, cô giáo, như vậy mới là bé ngoan.

- Trong cuộc sống hằng ngày người lớn cần điều chỉnh cách cư xử đối với trẻ:

[] Giáo dục cho trẻ một số kĩ năng tự phục vụ và thói quen sinh hoạt cần thiết.

- Ngay từ lứa tuổi nhà trẻ (2 – 3 tuổi) ta có thể hình thành cho trẻ một số kĩ năng tự phục vụ

- Thông qua những việc làm cụ thể, thường xuyên, người lớn tập cho trẻ những thói quen sinh hoạt cần thiết: tự phục vụ, vệ sinh, gọn gàng ngăn nắp, ...

3.3.3. *Nhiệm vụ và nội dung phương pháp giáo dục cho trẻ lứa tuổi mẫu giáo*

3.3.3.1. **Nhiệm vụ**

- Cần được hình thành ở trẻ là lòng nhân ái, tình yêu thương con người (ông bà cha mẹ anh chị cô giáo bạn bè, ...) và loài vật (cỏ cây, hoa lá,... những con vật gần gũi)...
- Cần hình thành ở trẻ những thói quen, hành vi khác nhau trong quan hệ ứng xử với người lớn, bạn bè, nơi công cộng và với chính bản thân...
- Hình thành ở trẻ những biểu tượng về chuẩn mực, hành vi, đạo đức và động cơ hành vi đạo đức đúng đắn.

3.3.3.2. *Nội dung phương pháp giáo dục cho trẻ lứa tuổi mẫu giáo*

[] Giáo dục lòng nhân ái (tình thương) và những nhân tố sơ đẳng của lòng yêu quê hương đất nước.

- Giáo dục lòng yêu gia đình. Trẻ cần hiểu mọi người trong gia đình đều gắn bó với nhau trên tinh thần ruột thịt, sống hòa thuận và chăm sóc lẫn nhau.
- Giáo dục tình yêu thương và thái độ quan tâm đến mọi người.
- Giáo dục tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, có ý thức bảo vệ thiên nhiên.
- Đối với trẻ mẫu giáo, cần giáo dục tình yêu đối với Bác Hồ, biết lá cờ tổ quốc, quan tâm đến những ngày lễ lớn, những sự kiện quan trọng trong nước hoặc ở địa phương,

[] Giáo dục quan hệ bạn bè.

- Đối với mẫu giáo bé, cần khuyến khích trẻ làm quen với nhau, biết sống hòa thuận bên nhau, những quy tắc sinh hoạt tập thể, biết cùng nhau phối hợp hoạt động.
- Đối với trẻ mẫu giáo nhỡ, cần từng bước mở rộng nhóm chơi của trẻ, mở rộng vốn kinh nghiệm về hoạt động chung của trẻ;
- Đối với trẻ mẫu giáo lớn, biết tự tập hợp nhau lại và đề xuất trò chơi chung. Trẻ đã nhận ra và biết những quy tắc ứng xử cần thiết trong quan hệ bạn bè.

[] Hình thành cho trẻ những thói quen đạo đức đúng đắn.

- Thói quen văn minh trong giao tiếp với những người xung quanh như chào hỏi lễ phép khi gặp người lớn, biết cảm ơn khi gặp người khác giúp đỡ, biết xin lỗi khi phạm lỗi, biết đoàn kết bạn bè, nhường nhịn em nhỏ...
- Thói quen vệ sinh trong sinh hoạt (vệ sinh thân thể, vệ sinh ăn uống...)
- Thói quen bảo vệ, giữ gìn đồ dùng, đồ chơi, thói quen gọn gàng, ngăn nắp...
- Thói quen văn minh nơi công cộng (không vứt rác bừa bãi, vẽ lên tường, ngắt hoa nơi công cộng...).
- Tính tự lập: không ỉ lại vào người lớn, không nhõng nhẽo...
- Tính mạnh dạn: giao tiếp với những người xung quanh, uống thuốc khi người lớn yêu cầu, không nhút nhát, e dè, không sợ nước khi tắm...

- Tính ngăn nắp: gọn gàng, ngăn nắp sau khi chơi, ko bừa bãi, lung tung...
- Tính kỉ luật: biết nghe lời, tôn trọng những nguyên tắc sh chung, biết tự k/chế.

[] Hình thành những biểu tượng về các chuẩn mực h/ vi đạo đức cho trẻ mẫu giáo.

Hình thành những biểu tượng về các chuẩn mực hành vi đạo đức thế nào là tốt, thế nào là xấu, thế nào là ngoan, thế nào là hư...

3.3.4. Điều kiện và phương tiện giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi mầm non

3.3.4.1. Điều kiện để giáo dục đạo đức cho trẻ.

- Người lớn phải thực sự yêu thương, đùm bọc, che chở cho trẻ.
- Gia đình cũng như ở trường mầm non, người lớn không nên phân biệt đối xử giữa các cháu.
- Người lớn phải có sự thống nhất với nhau trong việc giáo dục trẻ. Tránh tình trạng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”
- Người lớn luôn luôn gương mẫu, là hình ảnh tốt đẹp để trẻ noi theo.
- Tạo điều kiện cho trẻ được tập luyện những hành vi đạo đức tốt đẹp
- Người lớn phải biết vận động, khuyến khích kịp thời những hành vi, cử chỉ, lời nói đẹp của trẻ, uốn nắn kịp thời những hành vi không đúng chuẩn mực.

3.3.4.2. Phương tiện giáo dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi mầm non.

- Các hoạt động giao lưu, giao tiếp của trẻ với môi trường sống xung quanh trẻ.
- Chế độ sinh hoạt hàng ngày. (giờ nào việc ấy, ngăn nắp, gọn gàng...)
- Các tấm gương trong nhóm, lớp (về học tập, vui chơi, ăn uống, vệ sinh...).

3.4. Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi mầm non

3.4.1. Khái niệm và ý nghĩa của giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi mầm non

3.4.1.1. Khái niệm

Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi mầm non là một quá trình sư phạm, nhằm hình thành và phát triển ở trẻ những năng lực ban đầu về cảm thụ và nhận thức đúng đắn cái đẹp trong đời sống sinh hoạt, xã hội, trong tự nhiên và trong nghệ thuật, giáo dục trẻ lòng yêu cái đẹp, sống theo cái đẹp và biết tạo ra cái đẹp trong cuộc sống.

3.4.1.2. Ý nghĩa của giáo dục thẩm mỹ cho lứa tuổi mầm non.

- Giáo dục thẩm mỹ có liên quan mật thiết với các mặt giáo dục nhân cách con người phát triển toàn diện, đặc biệt là với giáo dục trí tuệ và giáo dục đạo đức.
- Cuộc sống tinh thần trong thế giới cái đẹp khơi dậy ở trẻ nhu cầu muốn làm cho mình trở nên đẹp hơn, nhu cầu khám phá cái đẹp ở xung quanh. Đứa trẻ càng sớm thấy được vẻ đẹp đó bao nhiêu thì sự phát triển đời sống tinh thần và thể chất của nó càng thuận lợi bấy nhiêu.

3.4.2. Nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục thẩm mỹ cho trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ

3.4.2.1. Nhiệm vụ

[] Cung cấp và làm giàu ấn tượng xung quanh cho trẻ, trên cơ sở đó phát triển tri giác thẩm mỹ cho chúng.

Người lớn cần tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc với thế giới xung quanh để giúp trẻ có những ấn tượng phong phú, tốt đẹp về thế giới xung quanh.

[] Bước đầu phát triển ở trẻ năng lực cảm xúc thẩm mỹ và hứng thú với nghệ thuật.

Người lớn có thể suy đoán được xúc cảm, tình cảm của trẻ, qua đó mà khơi sâu và làm phong phú những cảm xúc dương tính và uồn nắn những cảm xúc âm tính cho trẻ, giúp cho sự phát triển cảm xúc của trẻ phù hợp với giáo dục thẩm mỹ.

Bằng những giai điệu ngọt ngào của những bài hát, những câu thơ, những câu ca dao giàu nhạc tính, những tác phẩm hội họa đặc sắc

[] Bước đầu giáo dục thị hiếu thẩm mỹ và phát triển năng lực sáng tạo nghệ thuật cho trẻ.

Trường mầm non cần dạy cho trẻ biết phân biệt cái đẹp và cái không đẹp, cái thô kệch và cái xấu xí. Cần giúp cho trẻ biết trình bày rõ tại sao thích bài hát, bức tranh, truyện cổ tích hay một nhân vật nào đó trong tác phẩm. Phải giúp trẻ biết cảm thụ cái đẹp ở xung quanh và biết tạo ra cái đẹp rong cuộc sống hàng ngày. Do vậy người lớn cần chú ý giáo dục và hình thành năng lực tạo hình cho trẻ, trước hết là hướng dẫn trẻ cảm thụ được vẻ đẹp của những sản phẩm tạo hình, sau đó tập cho trẻ một số kỹ năng nặn, vẽ... những thứ mà trẻ yêu thích.

3.4.2.2. Nội dung và phương pháp giáo dục thẩm mỹ cho trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ.

[] Dạy trẻ quan sát, cảm thụ vẻ đẹp của thiên nhiên.

Tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc với các sự vật, hiện tượng đa dạng, phong phú của thiên nhiên, hướng dẫn trẻ quan sát thiên nhiên là vấn đề mang tính giáo dục lớn lao và là một trong những nội dung giáo dục quan trọng cho trẻ.

[] Giáo dục về đẹp trong đời sống sinh hoạt hàng ngày.

- Giáo dục về đẹp trong mối quan hệ với người thân.
- Giáo dục trẻ có những hành vi văn hóa – vệ sinh. Đó là lời ăn, tiếng nói, cử chỉ, hành vi thái độ đúng đắn với mọi người.(học ăn học nói, học gói học mở)
- Giáo dục cho trẻ về đẹp trong mối quan hệ với thế giới đồ vật xung quanh.

[] Bước đầu cho trẻ làm quen với nghệ thuật.

- Cho trẻ làm quen với âm nhạc.
- Giáo dục về đẹp trong thơ ca cho trẻ.
- Giáo dục về đẹp trong khúc hát đồng dao cho trẻ.
- Giáo dục cái đẹp trong sinh hoạt tạo hình.

3.4.3. *Nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục thẩm mỹ cho trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo*

3.4.3.1. *Nhiệm vụ, nội dung và giáo dục thẩm mỹ cho trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo.*

- Phát triển tri giác, tình cảm và hình thành biểu tượng về cái đẹp cho trẻ mẫu giáo.

Giáo viên cần dẫn dắt trẻ đi từ sự tri giác cái đẹp, cảm xúc đối với nó, đến chỗ hiểu và hình thành biểu tượng về cái đẹp, biết nhận xét và đánh giá thế nào là đẹp, thế nào là xấu.

- Phát triển hứng thú và năng lực sáng tạo nghệ thuật cho trẻ.

Cô giáo phải biết khéo gợi hứng thú và tạo điều kiện cho trẻ tham gia tích cực, tự giác vào các loại hình nghệ thuật như, múa hát, kể chuyện, đọc thơ, vẽ, nặn, xé dán để phát triển năng lực sáng tạo nghệ thuật cho trẻ.

- Hình thành cơ sở của thị hiếu thẩm mỹ.

Cần giáo dục cho trẻ năng lực trình bày rõ lý do tại sao mình thích bài hát, truyện cổ tích hay bức tranh này. Chính điều này có ý nghĩa to lớn, vì nó giáo dục trẻ một thái độ tự giác hơn với đối tượng thẩm mỹ.

3.4.3.2. *Phương pháp giáo dục thẩm mỹ cho trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo.*

Khái niệm và thuật ngữ: “Phương pháp giáo dục thẩm mỹ” và “Các phương pháp dạy nghệ thuật”.

Các phương pháp giáo dục thẩm mỹ không chỉ nhằm hình thành thái độ thẩm mỹ đối với thế giới tự nhiên, xã hội, đối tượng thẩm mỹ mà còn đối với cả quá trình dạy nghệ thuật.

Hệ thống phương pháp phổ biến được phân loại trên cơ sở nguồn cung cấp tri thức, bao gồm:

- Nhóm các phương pháp dung lời: giải thích, trò chuyện, chỉ dẫn, đọc, kể chuyện...

- Nhóm các phương pháp trực quan: quan sát, sử dụng các đồ dùng trực quan.

- Nhóm các phương pháp thực hành (hay thực tiễn) luyện tập.

- Nhóm các phương pháp dùng trò chơi.

Về phương diện cảm thụ thẩm mỹ có 2 kiểu người:

- Kiểu người nghệ sĩ thì họ cảm thụ thế giới bên ngoài một cách mãnh liệt, trực tiếp và chủ yếu dựa vào hệ thống tín hiệu thứ nhất.

- Kiểu người trí tuệ nặng về hoạt động phân tích dựa vào hệ thống tín hiệu thứ 2, dựa vào từ vào sự phân tích và khái quát các hiện tượng. Bởi vậy, phương pháp giáo dục thẩm mỹ phải được xác định tùy thuộc vào đặc điểm lứa tuổi và cá nhân của trẻ.

3.4.4. *Phương tiện giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em lứa tuổi mầm non*

3.4.4.1. *Vẻ đẹp của môi trường xung quanh.*

Những đồ đạc, vật dụng trong gia đình như: nhà cửa, đồ dùng, đồ chơi...từ hình dáng, kích thước, màu sắc... đến bày trí nó trong gia đình đảm bảo sự trang nhã, gọn gàng, sạch sẽ, trật tự... trở thành đối tượng thẩm mỹ của trẻ.

3.4.4.2. Những ấn tượng từ cuộc sống xã hội xung quanh trẻ.

Đó là những sinh hoạt về cuộc sống của con người về đường phố, tượng đài, các di tích lịch sử, các địa danh, các danh nhân văn hóa... đều là những nhân tố tích cực gây ra những ấn tượng tốt đẹp trong tâm trí trẻ thơ và có ý nghĩa lớn lao đối với việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ.

3.4.4.3. Vẻ đẹp trong thiên nhiên.

Như cây cỏ, hoa lá, chim chóc, một vầng trăng khuyết, vẻ đẹp của buổi bình minh, cảnh huyền ảo trước hoàng hôn, tiếng chim kêu, tiếng nước chảy, tiếng mưa rơi...

3.4.4.4. Các tác phẩm nghệ thuật

Điều quan trọng là phải biết lựa chọn những loại hình nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi và trình độ phát triển của trẻ. Cần tổ chức cho trẻ tham gia các loại hình nghệ thuật như hát, múa, nặn, vẽ... nhằm nâng cao hứng thú và phát triển niềm đam mê nghệ thuật cho trẻ.

3.5. Giáo dục lao động cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo

3.5.1. Khái niệm và ý nghĩa của giáo dục lao động cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo

3.5.1.1. Khái niệm

Giáo dục lao động là một bộ phận quan trọng của giáo dục phát triển toàn diện, nhằm hình thành ở trẻ những phẩm chất của người lao động mới: yêu lao động, quý trọng người lao động; giúp trẻ em nắm được một số kỹ năng lao động đơn giản phục vụ cho sinh hoạt và chuẩn bị cho trẻ sau này tham gia vào đời sống lao động.

3.5.1.2. Ý nghĩa của giáo dục lao động cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo.

- Đối với giáo dục thể chất: Trong khi lao động, tất cả các quá trình hô hấp, tuần hoàn, quá trình oxy hóa, trao đổi chất... đều được tăng cường.

- Đối với giáo dục đạo đức:

Giáo dục lao động góp phần hình thành những phẩm chất đạo đức như lòng yêu lao động, quý trọng người lao động, sẵn sàng lao động không những cho mình, cho người thân mà còn vì lợi ích chung của tập thể, cho xã hội.

- Đối với giáo dục trí dục:

Trong quá trình lao động, trẻ trực tiếp sử dụng công cụ lao động, thực hành lao động, qua đó trẻ nắm được tính chất của các vật liệu và những tri thức về đối tượng lao động.

- Đối với giáo dục thẩm mỹ:

Trong lao động nhất là hoạt động sáng tạo, hoạt động tạo hình, trẻ luôn hướng vào việc tạo ra những sản phẩm đẹp, khung cảnh đẹp...

3.5.2. Nhiệm vụ giáo dục lao động cho trẻ em lứa tuổi mẫu giáo

- Giúp trẻ tìm hiểu lao động của người lớn, giáo dục trẻ tôn trọng người lao động và quý trọng sản phẩm lao động.

- Dạy trẻ những kỹ năng, kỹ xảo lao động đơn giản như tự phục vụ bản thân, lao động trong sinh hoạt tập thể, chăm sóc vật nuôi, cây trồng; làm đồ dùng, đồ chơi đơn giản bằng vật liệu trong thiên nhiên.

- Giáo dục trẻ hứng thú lao động, yêu lao động, giáo dục động cơ lao động vì tập thể, tính độc lập và kỹ năng lao động trong tập thể vì tập thể.

3.5.3. Đặc điểm lao động của trẻ mẫu giáo

3.5.3.1. Tính mục đích trong hoạt động lao động của trẻ mẫu giáo.

Hành động với đồ vật khi trẻ biết tên các đồ vật, hiểu công dụng và cách sử dụng nó là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển nhân cách của trẻ, giúp trẻ hiểu khả năng của mình (tuy chưa đầy đủ và chính xác) và muốn độc lập với người lớn (trẻ thường nói để nó tự làm).

3.5.3.2. Tính kế hoạch hoạt động trong lao động của trẻ mẫu giáo.

Cần tạo ra tình huống đặt trẻ vào điều kiện bắt buộc phải suy nghĩ sơ bộ về kế hoạch hành động. Việc hoàn thiện kỹ năng xây dựng kế hoạch diễn ra trong công việc hàng ngày (trực nhật, chăm sóc góc thiên nhiên...)

3.5.3.3. Kết quả lao động.

Việc đạt kết quả trước hết có ý nghĩa như một yếu tố có tác dụng giáo dục cho trẻ hứng thú lao động; giúp trẻ biết đánh giá đúng kết quả lao động, so sánh với thành tích của bạn.

3.5.3.4. Lao động và trò chơi.

Lao động của trẻ mẫu giáo gắn liền với trò chơi. Mỗi liên hệ qua lại này thể hiện ở các hình thức khác nhau: Hành động của trẻ thường nhằm mô tả quá trình lao động của người lớn, các yếu tố của hành động lao động được thể hiện trong trò chơi, hoạt động lao động phục vụ...

Vì vậy, khi tổ chức cho trẻ lao động phải diễn ra nhẹ nhàng như chơi vậy với phương châm: “Làm mà chơi, chơi mà làm”.

3.5.4. Các dạng lao động và nội dung lao động của trẻ ở các nhóm tuổi

*** Lao động tự phục vụ**

Lao động tự phục vụ là hình thức lao động nhằm thỏa mãn những nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày, nhằm chăm sóc bản thân mình (tắm rửa, thay quần áo, thu dọn giường ngủ, chuẩn bị chỗ làm việc...).

Ý nghĩa:

Mẫu giáo bé:

Giáo viên phải hình thành cho trẻ kỹ năng tự phục vụ, rèn cho trẻ tính độc lập, tính cẩn thận và thói quen giữ gìn vệ sinh sạch sẽ. Dạy trẻ kỹ xảo lao động tự phục vụ với phương pháp cơ bản là trình bày cách làm của từng động tác đơn giản và trình tự của chúng vừa làm mẫu, vừa giải thích.

Mẫu giáo nhỏ:

Cần củng cố những kỹ năng, kỹ xảo đã có và hình thành kỹ xảo tự phục vụ phức tạp hơn (bày bàn ăn, chuẩn bị cho giờ học, lau chùi trên giá, quét sân v.v...)

Mẫu giáo lớn:

Nội dung phong phú hơn, mang tính chất thường xuyên và chuyển dần thành nhiệm vụ trực nhật. Các kỹ năng, kỹ xảo mới đưa thêm vào (thu dọn giường, sửa chữa đồ chơi, chải tóc v.v...). Đặc điểm lao động của trẻ lớn là biết tự tổ chức công việc và giúp đỡ các em nhỏ hơn, biết tự kiểm tra và có ý thức biết giữ gìn đồ vật.

*** Lao động trong sinh hoạt**

Lao động trong sinh hoạt là hình thức lao động đi vào toàn bộ cuộc sống hằng ngày của trường mẫu giáo. Hình thức lao động này nhằm gìn giữ sạch sẽ trong lớp ngoài sân trường, giúp người lớn tổ chức quá trình sinh hoạt hàng ngày phục vụ chung cho tập thể được tốt.

Mẫu giáo bé:

Hình thành cho trẻ những kỹ xảo sơ đẳng như giúp đỡ dọn bàn ăn, xếp gọn đồ chơi sau khi chơi, thu dọn lá cây ngoài sân.

Mẫu giáo nhỏ:

- Cho trẻ tự hoàn toàn dọn bữa ăn, chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho giờ học, giặt quần áo cho búp bê, lau bụi trên giá để đồ chơi, quét sân v.v...
- Tập cho trẻ tính độc lập, tích cực, sáng tạo trong lao động, để làm tốt các công việc được giao.

Ở tuổi mẫu giáo lớn:

Phải thực hiện nhiệm vụ trực nhật, giữ gìn lớp học sạch đẹp, giúp đỡ các em nhỏ v.v... phải biết tự tổ chức các công việc, cố gắng hoàn thành công việc và có mối quan hệ tốt với bạn bè.

*** Lao động trong thiên nhiên**

Lao động trong thiên nhiên là hình thức lao động cho trẻ tham gia chăm sóc cây cối và súc vật, trồng cây ở góc thiên nhiên ngoài vườn, trong vườn hoa.

Mẫu giáo bé:

Khi lao động với trẻ, giáo viên gọi tên các cây, các bộ phận của chúng, các động tác trong lao động. Giáo viên giải thích sự cần thiết chăm sóc cây cối và súc vật.

Mẫu giáo nhỏ:

Công việc phức tạp hơn, trẻ tưới cây (gieo hạt) thu hoạch, chuẩn bị thức ăn cho gia súc (gà, thỏ) với sự giúp đỡ của giáo viên. Trẻ bắt đầu hiểu được mối quan hệ phụ thuộc giữa các sự vật hiện tượng và hiểu được trách nhiệm của mình đối với chúng.

Mẫu giáo lớn:

Nhiệm vụ có tính chất thường xuyên và phức tạp hơn. Giáo viên dạy trẻ quan sát sự sinh trưởng của cây, phân biệt các loại cây, hạt, trẻ hiểu mối liên hệ giữa các hiện tượng trong thiên nhiên, độc lập, ý thức trách nhiệm trong lao động được nâng cao.

*** Lao động thủ công**

Lao động thủ công là hình thức cho trẻ làm các đồ vật bằng các vật liệu khác nhau như bìa cát tông, giấy, gỗ, các vật liệu tự nhiên (hạt, củ, quả v.v...) phế liệu (hộp, chai, ống bơ v.v...)

Lao động thủ công làm phát triển năng lực thiết kế, các kĩ xảo thực hành, hứng thú lao động.

Trong lao động thủ công có thể giáo dục trẻ nhiều phẩm chất như tính kiên trì, cẩn thận, tính mục đích và ý thức vượt khó.

3.5.5. Những hình thức tổ chức lao động cho trẻ mẫu giáo. (có 3 hình thức)

[] Giao nhiệm vụ:

Là yêu cầu trẻ phải hoàn thành một công việc nào đó có liên quan đến lao động tự phục vụ hay lao động vì tập thể.

Hình thức này rất cần thiết đối với trẻ mẫu giáo bé, vì trẻ chưa thể lao động theo ý muốn và giáo viên dùng các nhiệm vụ đơn giản để dần dần giúp trẻ trở thành người có ích cho tập thể và cho các bạn.

Việc thực hiện các nhiệm vụ góp phần hình thành ở trẻ tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao và hình thành ở trẻ hứng thú lao động.

[] Trực nhật:

Trực nhật là hình thức lao động đòi hỏi trẻ hoàn thành các nhiệm vụ nhằm phục vụ tập thể.

Chế độ trực nhật như sau:

Ở trẻ nhỏ nhiệm vụ chỉ cần bày bàn ăn, phát thìa, đĩa, cốc, bánh, hoa quả... dần dần đưa trẻ vào trực nhật nhà ăn (đầu mẫu giáo nhỏ).

Cuối mẫu giáo nhỏ có thể thực hiện chế độ trực nhật chuẩn bị học tập, tùy theo công việc, giáo viên chỉ định từng nhóm (2-3 em) phụ trách và hướng dẫn các em làm những công việc cụ thể (phân phối đồ dùng học tập, thu dọn khi dùng xong v.v...)

Ở nhóm lớn có chế độ trực nhật góc thiên nhiên. Cần dạy trẻ biết phối hợp hành động với nhau, biết thỏa thuận phân công công việc cho nhau, biết sử dụng hợp lý thời gian và sức lực.

[] Tổ chức lao động tập thể:

Các công việc lao động tập thể có thể tiến hành như quét dọn phòng học, sân chơi, trồng rau, trồng hoa, thu hoạch rau quả, trang trí lớp học v.v...

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu và phân tích những cơ sở khoa học của giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non.
2. Nêu khái quát đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ lứa tuổi mầm non. Trên cơ sở đó nêu quan điểm của mình về việc xác định các nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.
3. Nêu và phân tích nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non.
4. Nêu và phân tích nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi mầm non.
5. Nêu và phân tích nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi mầm non.
6. Nêu và phân tích nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em lứa tuổi mầm non.
7. Nêu và phân tích nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục lao động cho trẻ em lứa tuổi mầm non.

CHƯƠNG 3:

NHỮNG HÌNH THỨC TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG VÀ HOẠT ĐỘNG CHO TRẺ EM Ở TRƯỜNG MẦM NON

1. TỔ CHỨC CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON

1.1. Nguyên tắc tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ em

1.1.1. Chế độ sinh hoạt phải đảm bảo thực hiện được mục tiêu chăm sóc- giáo dục trẻ mầm non

Mục tiêu giáo dục mầm non là kim chỉ nam cho mọi hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non. Mục tiêu giáo dục mầm non được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ giáo dục và yêu cầu cần đạt ở từng độ tuổi.

1.1.2. Chế độ sinh hoạt phải đảm bảo phù hợp với sự tăng trưởng và phát triển của độ tuổi

Lứa tuổi mầm non là giai đoạn mà sự tăng trưởng và phát triển diễn ra cực kì nhanh chóng, không có thời gian nào sao đó so sánh được. Mỗi một tuổi nhu cầu về chất (nuôi dưỡng) và tinh thần cũng có thay đổi, khác biệt khá lớn. Do vậy, chế độ sinh hoạt hàng ngày cần phải phù hợp (vừa sức) với sự tăng trưởng và phát triển với từng độ tuổi. Tránh áp đặt trẻ thực hiện chế độ sinh hoạt vượt quá sức của trẻ.

1.1.3. Chế độ sinh hoạt phải đảm bảo sự cân đối hài hòa giữa nuôi và dạy (chăm sóc và giáo dục), không coi nhẹ mặt nào.

Để nuôi dạy trẻ trở thành một con người nhanh nhẹn, hoạt bát, cơ thể phát triển cân đối, hài hòa trí tuệ, tình cảm phát triển tốt, người lớn (cha mẹ, cô giáo mầm non) phải xây dựng chế độ sinh hoạt hợp lý (đảm bảo sự hài hòa, cân đối giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục). Sự mất cân đối giữa nuôi và dạy sẽ dẫn đến sự mất cân đối trong quá trình tăng trưởng và phát triển của trẻ.

1.1.4. Chế độ sinh hoạt phải đảm bảo sự điều hòa giữa hoạt động và nghỉ ngơi

Để tạo cho trẻ luôn ở trạng thái cân bằng thần kinh, tránh mỗi mệt về cơ bắp. Do vậy, cần tính đến khi xây dựng và tổ chức thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ.

1.1.5. Chế độ sinh hoạt phải đảm bảo trình tự ổn định, tránh xáo trộn nhiều nhằm tạo nếp và thói quen cho trẻ

Chế độ sinh hoạt phải phù hợp với từng độ tuổi, song ở mỗi độ tuổi cụ thể, chế độ sinh hoạt phải mang tính ổn định. Như giờ nào việc nấy, thói quen điều chỉnh hành vi, hình thành ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần tự giác. Đó là thói quen rất cần thiết cho cuộc sống hiện tại và sau này của trẻ.

1.1.6. Chế độ sinh hoạt phải phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và khí hậu của từng vùng, từng mùa

Khi xây dựng chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ cũng cần tính đến điều kiện thực tế của địa phương, tính đến khí hậu của từng vùng, miền và của từng mùa trong năm.

1.2. Chế độ sinh hoạt cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ. Gồm có 6 nội dung

1.2.1. Tổ chức đón trẻ. (Có 2 yêu cầu)

- Chuẩn bị đón trẻ. (có 5 bước)
- Trong khi đón trẻ. (gồm 5 bước)

1.2.2. Tổ chức cho trẻ ăn uống

Cho trẻ ăn đủ chất dinh dưỡng, uống đủ nước, nhưng cần lựa chọn và chế biến sao cho phù hợp với khả năng tiêu hóa và bài tiết của trẻ. Cần cho trẻ ăn nhiều rau tươi và sữa, tổ chức cho trẻ ăn uống một cách hợp lý, có giờ giấc, đảm bảo vệ sinh và luôn tạo cảm giác ngon miệng khi trẻ ăn uống.

Trước giờ ăn không nên cho trẻ ăn quà vặt, người lớn cần tập cho trẻ tự xúc cơm ăn và một số hành vi văn hóa – vệ sinh khi ăn uống.

Mỗi bữa ăn cần 4 nhóm thực phẩm như:

- Nhóm lương thực (gạo, bột mì, khoai...)
- Nhóm giàu chất đạm (thịt, cá, tôm, trứng và các loại đậu)
- Nhóm giàu chất béo (vùng, lạc, mỡ lợn...)
- Nhóm sinh tố và muối khoáng (rau muống, dền, ngót, cà chua, bí, chuối, cam ...)

Cần cho trẻ uống đủ nước, nhất là về mùa hè.

1.2.3. Tổ chức cho trẻ ngủ

- Đảm bảo cho trẻ ngủ đủ giấc, ngủ sâu.
- Tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ khi lên giường ngủ, tránh dọa nạt hoặc cho trẻ chơi quá mức mỗi khi ngủ.
- Tập cho trẻ đi ngủ đúng giờ, nằm xuống là ngủ ngay.
- Đặt cho trẻ nằm theo tư thế mà nó quen (có thể hát ru hoặc âu yếm trẻ để trẻ dễ đi vào giấc ngủ).
- Cho trẻ ngủ trên giường có khung chắn, mùng, mền, gối...
- Trước khi ngủ cho trẻ đi vệ sinh, lau rửa mặt mũi, chân tay...
- Cần chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ.
- Khi trẻ ngủ cô cần phải theo dõi giấc ngủ của trẻ để xử lý những tình huống có thể ảnh hưởng đến giấc ngủ của trẻ.
- Khi trẻ dậy cần để trẻ chơi một lúc sau đó cho trẻ đi vệ sinh, lau mặt cho trẻ.

1.2.4. Tổ chức vệ sinh cá nhân cho trẻ. (gồm có 6 việc)

1. Vệ sinh thân thể;
2. Vệ sinh răng miệng;
3. Vệ sinh tai, mũi, họng;
4. Vệ sinh mắt;

5. Vệ sinh quần áo;

6. Luyện tập cho trẻ tiêu tiện, đại tiện đúng lúc, đúng nơi quy định.

1.2.5. Tổ chức chế độ chơi – tập cho trẻ. (gồm 3 nội dung)

[]. Chuẩn bị cơ sở vật chất để trẻ chơi - tập.

- Bố trí chỗ chơi rộng rãi, thoáng, sạch sẽ phù hợp với nhu cầu của trẻ.
- Chuẩn bị đủ đồ chơi cho trẻ. Đồ chơi phải phù hợp với mục tiêu yêu cầu của giờ chơi
- Tập và hấp dẫn đối với trẻ.

[]. Hướng dẫn trẻ chơi - tập (gồm 5 bước)

- Để trẻ sử dụng được đồ vật, cô giáo mầm non cần phải hướng dẫn tỉ mỉ: cô vừa thao tác mẫu vừa nói cho trẻ hiểu hoặc hát để khuyến khích trẻ chơi. Đối với đồ chơi mới cô cần cùng chơi với trẻ và dạy cho trẻ những thao tác đúng;
- Khi hướng dẫn trẻ chơi tập cô giáo không chỉ dạy cho trẻ biết thực hiện các thao tác với đồ vật mà cần dạy trẻ biết tên gọi các đồ vật, nhận biết các thuộc tính của nó;
- Nhịp độ chơi – tập, mức độ yêu cầu, thời gian chơi tập phải phù hợp với độ tuổi và phù hợp với từng trẻ;
- Cần phải động viên khuyến khích trẻ kịp thời, tạo cho trẻ có trạng thái vui tươi, thoải mái trong chơi tập;
- Cần có chế độ chơi tập cho trẻ mệt hay đang bị ốm.

[]. Kết thúc chơi – tập.

Cô giáo cần dạy cho trẻ biết thu dọn đồ dùng, đồ chơi để vào nơi quy định. Để rèn cho trẻ có thói quen gọn gàng, ngăn nắp, giờ nào việc nấy...có thể tổ chức cho trẻ vừa làm vừa hát.

1.2.6. Tổ chức trả trẻ

[]. Trước khi trả trẻ.

- Cho trẻ chơi tự do, cô giáo trò chuyện, kể chuyện, hát... cho trẻ nghe nhằm tạo ra sự thân thiện giữa trẻ và cô.
- Rửa mặt mũi, tay chân, chải đầu, chỉnh đốn quần áo cho trẻ trước khi người nhà đến đón.

[]. Trong khi trả trẻ.

- Khi giao trẻ cho người nhà cần có thái độ vui vẻ, hòa nhã và trao đổi cụ thể tình hình sinh hoạt và sức khỏe của trẻ trong ngày.
- Cần giao trẻ tận tay người nhà, không giao cho người lạ và trẻ em dưới 10 tuổi.
- Trong trường hợp người nhà đến đón muộn trẻ vẫn được trông nom chu đáo, tránh làm thất lạc trẻ hay để xảy ra tai nạn.
- Khi giao trẻ cho người nhà cần dạy cho trẻ thói quen chào người thân và tạm biệt cô tạo sự lưu luyến giữa cô và trẻ.

- Sau khi trả hết trẻ, cần quét dọn sạch sẽ, sắp xếp đồ dụng đồ chơi ngăn nắp, gọn gàng, tắt điện, khóa cửa trước khi ra về.

1.3. Đặc thù của việc tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ theo các độ tuổi khác nhau

1.3.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ trong năm đầu. (lọt lòng đến 12 tháng tuổi)

[]. Yêu cầu và nhiệm vụ chăm sóc – giáo dục trẻ trong năm đầu.

- Tạo mọi điều kiện để cơ thể trẻ phát triển bình thường về trọng lượng, chiều cao, thân kinh cơ bắp...

- Phát triển ở trẻ những vận động cơ bản cầm nắm, bò ngò, đi, đứng và sự phối hợp các giác quan trong chơi – tập, vận động.

- Phát triển năng lực nhạy cảm của các giác quan của trẻ trong quá trình chơi tập, đặc biệt là thị giác và thính giác.

- Dạy trẻ tập nói: phát âm đúng, biết gọi tên người và vật quen thuộc.

- Hình thành cho trẻ một số thói quen trong sinh hoạt (ăn, uống, nghỉ ngơi chơi tập).

*** Những yêu cầu cụ thể:**

+ *Yêu cầu cần đạt đối với trẻ 6 tháng tuổi.*

Trẻ có chiều cao và cân nặng nằm trong kênh A.

Cân nặng: Trai từ 5,9 – 7,8kg.

Gái từ 5,5 - 7,2kg

Chiều cao: Trai từ 62,6 – 67,8 cm

Gái từ 60,6 - 65,9cm.

+ *Yêu cầu cần đạt đối với trẻ 12 tháng tuổi.*

Trẻ có chiều cao và cân nặng nằm trong kênh A.

Cân nặng: Trai từ 8,1 – 10,2 kg.

Gái từ 7,4 - 9,5 kg

Chiều cao: Trai từ 70,7 – 76,1 cm

Gái từ 68,6 - 74,3cm.

[]. Tổ chức chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ trong năm đầu.

- Ăn bột 2 -3 bữa và bú mẹ.

- Ngủ: 3 giấc/ngày (1,5 – 2 giờ/ giấc)

- Đảm bảo trình tự hoạt động ăn – thức – chơi – ngủ - ăn – thức...

- Đảm bảo chuyển tiếp hoạt động giữa gia đình và nhà trẻ một cách nhẹ nhàng.

Thời gian biểu mẫu cho chế độ sinh hoạt hằng ngày

Đón trẻ	7h - 8h
Ngủ	8h – 9h30

Ăn	9h30 – 10h30
Chơi – tập	10h30 – 11h30
Bú mẹ - ngủ	11h30 – 14h
Ăn	14h – 15h
Chơi – tập	15h – 16h
Bé ngủ/ Lớn chơi/ trả trẻ	16h – 17h

+ Ý nghĩa của bữa ăn đối với trẻ:

- Ăn uống không chỉ thỏa mãn nhu cầu tồn tại của cơ thể mà còn là thú vui của trẻ.
- Nhu cầu ăn của mỗi trẻ mỗi khác. Người lớn không nên ép trẻ ăn nhiều hơn mức nó muốn, làm như vậy trẻ sẽ mất hứng thú ăn.

+ Yêu cầu về số lượng chất lượng bữa ăn.

- Nhu cầu về năng lượng của trẻ từ 800 – 1000kcal/ ngày. Trong 3 tháng đầu, trẻ được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ.
- Cho bú ít nhất là 12 tháng và có thể kéo dài đến 24 tháng nếu mẹ còn sữa và khỏe mạnh.
- Bữa ăn của trẻ cần đảm bảo các chất dinh dưỡng cần thiết như chất đạm, béo, đường, muối khoáng và sinh tố.

+ Giờ ăn của trẻ.

Để ấn định giờ ăn thích hợp cho trẻ cần dựa vào đặc điểm của từng trẻ, vào nhu cầu ăn của độ tuổi (từng tháng). Không để trẻ khóc quá lâu vì đói, số lần ăn của trẻ giảm dần theo từng tháng. Trẻ dưới 3 tháng tuổi có thể ăn 6 bữa/ngày...

+ Nhu cầu về nước uống.

Cần cho trẻ uống nước khi trẻ muốn hoặc sau khi trẻ tỉnh dậy, không cho trẻ uống nước trước khi bú và không được cho trẻ uống quá nước nhiều.

- Trẻ từ 3 – 6 tháng cần 0,8 đến 1 lít nước/ ngày.
- trẻ 9 -12 cần 1,1 đến 1,3 lít/ ngày

Nước cần phải đun sôi, cần cho trẻ uống nước nhiều khi trời quá nóng hoặc khi trẻ bị sốt cao.

+ Tổ chức cho trẻ ăn, uống.

.Trước khi cho trẻ ăn.

Phải chuẩn bị đầy đủ dụng cụ cho bữa ăn và nước uống cho từng trẻ. Cô cho trẻ đi vệ sinh tay chân, mặt mũi, đeo yếm cho từng trẻ.

.Trong khi ăn.

Cần tạo ra không khí thoải mái và cảm giác ngon miệng ở trẻ, chú ý đến từng trẻ, đặc biệt là trẻ yếu, biếng ăn và những trẻ mới vào nhà trẻ.

Đối với trẻ ngồi chưa vững, cô phải bế cô ngồi vào lòng và xúc cho trẻ ăn, không cho trẻ nằm ăn vì dễ bị sặc.

Thức ăn cho trẻ phải để xa tầm tay, tránh thức ăn quá nóng hoặc quá nguội, đúc cho trẻ hết thìa này rồi đến thìa khác.

.Sau khi ăn xong.

Cô vệ sinh tay chân mặt mũi, quần áo cho cho trẻ, cho trẻ uống nước, thu dọn đồ ăn chỗ ăn. Tránh để trẻ vận động nhiều sau khi ăn.

** Một số điểm cần lưu ý khi tổ chức cho trẻ ăn uống.*

- . Bữa ăn thường diễn ra sau giờ ngủ.
- . Không cho trẻ ăn khi trẻ ho, khóc, ngủ gật...
- . Không nên ép trẻ nhai, nuốt khi nó không muốn.
- . Không để trẻ nằm ăn, uống hoặc vừa ăn vừa bò.
- . Chú ý đến những trẻ yếu hay mới đi nhà trẻ.
- . Cần chủ động cho trẻ uống nước nhất là về mùa hè.
- . Sau khi ăn không cho trẻ nằm sấp, lẫy.

+ Tổ chức cho trẻ ngủ.

- *Chuẩn bị cho trẻ ngủ.*

Phòng ngủ phải thoáng mát, ánh sáng vừa phải, mỗi trẻ có giường riêng, có đầy đủ chăn, mền, mùng, gối...không cho trẻ trực tiếp ngủ dưới nền nhà.

- *Theo dõi trẻ trong khi ngủ.*

Sửa lại tư thế để trẻ ngủ thoải mái, không để trẻ ngủ chúi mũi vào gối hoặc chồm chẵn kín mặt. Nếu trẻ đái dầm cô phải kịp thời thay tả lót ngay cho trẻ. Nếu trẻ thức dậy sớm và quấy khóc, cô cần vỗ ru trẻ ngủ tiếp,

- *Khi trẻ thức dậy.*

Cho trẻ đi vệ sinh. Lau mặt cho trẻ tỉnh ngủ, để trẻ chơi khoảng 10 – 15 phút rồi mới cho trẻ ăn.

*** Tổ chức vệ sinh thân thể cho trẻ.**

- Tắm cho trẻ.
- Vệ sinh quần áo, móng tay, móng chân, tiêm phòng cho trẻ.
- Trẻ phải được thường xuyên cắt móng tay, móng chân, không được để quá dài.
- Khi trẻ biết ngồi, tập trẻ ngồi bô khi tiểu tiện.
- Thực hiện lịch tiêm phòng đúng quy định.

*** Tổ chức cho trẻ tiếp xúc với môi trường thiên nhiên.**

Để giúp cho trẻ thích nghi với sự thay đổi của môi trường bên ngoài. Khi dạo chơi ngoài trời trẻ được tắm nắng, giúp cho hệ xương trẻ phát triển tốt (tăng vitamin D). Mỗi ngày nên cho trẻ đi dạo từ 2 - 3h vào thời điểm thích hợp.

*** Tổ chức vận động cho trẻ.**

- Nội dung các bài tập phát triển vận động cho trẻ.
- Một số điểm cần lưu ý khi tổ chức vận động cho trẻ.

*** Tổ chức cho trẻ chơi - tập.**

Gồm 2 yêu cầu sau:

- Chuẩn bị cơ sở vật chất để chơi – tập.

Bố trí chỗ chơi phải rộng rãi, sạch sẽ. Đồ chơi của trẻ nhỏ cần có màu sắc sặc sỡ, có thể phát ra âm thanh, đa dạng về hình khối và kích thước, sạch sẽ không gây nguy hiểm, vừa tay trẻ cầm, lắc, gõ, đập, lăn, ném, bỏ vào, lấy ra khỏi hộp...

- Hướng dẫn trẻ chơi tập. (có 3 hình thức chơi – tập)

- + Chơi - tập có chủ định.
- + Chơi với đồ chơi, chơi trò chơi dân gian và chơi với các thiết bị đồ chơi.
- + Chơi – tập buổi chiều.

1.3.2. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ trong năm thứ hai (12 – 24 tháng tuổi)

[]. Yêu cầu và nhiệm vụ chăm sóc – giáo dục trẻ trong năm thứ hai.

Gồm 8 nhiệm vụ cơ bản sau:

- Duy trì và phát triển thể lực, tăng cường rèn luyện thân thể và nâng cao sức đề kháng cho trẻ.
- Tiếp tục rèn luyện các giác quan, phát triển sự khéo léo của đôi tay và một số vận động cơ bản
- Giúp trẻ làm quen và làm phong phú những biểu tượng về một số vật thể và hiện tượng gần gũi, bước đầu nhận ra một số đồ dùng quen thuộc với trẻ.
- Phát triển tư duy trực quan – hành động.
- Tăng cường sự hiểu biết ngôn ngữ, tăng vốn từ cho trẻ, tập cho trẻ sử dụng từ ngữ để diễn đạt ý muốn của mình bằng những câu đơn giản.
- Tập cho trẻ một số thói quen trong sinh hoạt hàng ngày, tập cho trẻ tự phục vụ.
- Tiếp tục duy trì, củng cố và phát triển những cảm xúc lành mạnh đối với người thân
- Phát triển khả năng nhạy cảm với âm nhạc và cảm xúc thẩm mỹ cho trẻ như nghe, vỗ tay theo nhạc, hát theo cô và với cái đẹp xung quanh.

Những yêu cầu cụ thể:

- Đối với trẻ từ 18 tháng tuổi phải đạt ở kênh A:

- . Cân nặng: Trai từ 9,1 – 11,5 kg; Gái 8,5 – 10,8 kg.
- . Chiều cao: // 76,3 cm – 82,4cm; // 74,8cm – 80,9cm.

- Đối với trẻ từ 24 tháng tuổi phải đạt ở kênh A:

- . Cân nặng: Trai từ 9,9 – 12,6 kg; Gái 9,4 – 11,9 kg.
- . Chiều cao: // 80,9cm – 87,6cm; // 79,9cm – 86,5cm.

[]. Chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ trong năm thứ hai.

- Giai đoạn từ 12 – 18 tháng tuổi:

- . Trẻ ăn 2 bữa chính và phụ 1 bữa cách nhau 4h30 – 5h.
- . Thời gian thức - tỉnh (đề chơi – tập, giao tiếp...) 3h – 3h30
- . Ngủ 2 giấc/ ngày, mỗi giấc từ 1h30 – 2h30.
- . Đảm bảo trình tự: Chơi – ngủ (sáng) – ăn – chơi – ngủ (trưa)

Thời gian biểu cho chế độ sinh hoạt của trẻ từ 12 – 18 tháng tuổi như sau:

Đón trẻ	7h - 8h
Chơi – tập	8h – 8h30
Ngủ	8h30 – 10h
Ăn	10h – 11h
Chơi – tập	11h – 12h
Ăn phụ - ngủ	12h – 14h
Ăn	14h – 15h
chơi/ trả trẻ	15h – 17h

- Giai đoạn từ 18 – 24 tháng tuổi:

. Trẻ ăn 2 bữa chính cách nhau 4 h - 4h30 (nếu có bữa phụ thì 2 bữa chính cách nhau 5h).

. Ngủ 1 giấc kéo dài từ 2 – 3h (ngủ trưa).

. Đảm bảo trình tự: Chơi – ăn (trưa) – ngủ (trưa) – chơi – ăn chơi (chiều)

Thời gian biểu cho chế độ sinh hoạt của trẻ từ 12 – 18 tháng tuổi như sau:

Đón trẻ	7h - 8h
Chơi – tập	8h – 10h30
Ăn	10h30 – 11h
Ngủ	11h – 14h
Ăn phụ (nếu có)- chơi tập	14h – 15h
Ăn	15h – 16h
chơi/ trả trẻ	16h – 17h

*** Tổ chức chế độ ăn uống**

Yêu cầu về chế độ ăn uống

- + Đảm bảo đủ năng lượng và chất dinh dưỡng trong bữa ăn hằng ngày
- + Chế biến thức ăn phải phù hợp với đặc điểm phát triển từng thời kỳ
- + Hằng ngày phải cho trẻ uống nước đủ
- + Đảm bảo vệ sinh khi ăn uống
- + Cần tôn trọng nhu cầu, sở thích của trẻ đối với các loại thức ăn
- + Cần thay đổi chế độ ăn theo sự tăng trưởng và phát triển của trẻ
- Chuẩn bị cho trẻ ăn
- Trong khi cho trẻ ăn

- Sau khi ăn

*** Tổ chức cho trẻ ngủ**

- Chuẩn bị cho trẻ ngủ

- Chăm sóc giấc ngủ cho trẻ

- Cho trẻ thức

*** Tổ chức vệ sinh hằng ngày**

- Vệ sinh đầu tóc, quần áo

- Thói quen tự đi tiểu tiện, tự thay quần áo

- Thói quen tự đi tất, giày

*** Tổ chức chơi - tập cho trẻ**

- Chơi tập có chủ định

- Chơi tập với đồ chơi, trò chơi dân gian, trò chơi vận động...

- Chơi - tập buổi chiều

1.3.3. Tổ chức chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ năm thứ ba (24 – 36 tháng tuổi)

- Tiếp tục phát triển thể lực, tăng cường rèn luyện thân thể và nâng cao sức đề kháng cho trẻ.

- Tiếp tục rèn luyện các giác quan, phát triển sự khéo léo của đôi tay và một số vận động cơ bản

- Giúp trẻ làm quen và làm phong phú những biểu tượng về một số vật thể và hiện tượng gần gũi, bước đầu nhận ra một số đồ dùng quen thuộc với trẻ.

- Phát triển tư duy trực quan – hành động.

- Tăng cường sự hiểu biết ngôn ngữ, tăng vốn từ cho trẻ, tập cho trẻ sử dụng từ ngữ để diễn đạt ý muốn của mình bằng những câu đơn giản.

- Tập cho trẻ một số thói quen trong sinh hoạt hàng ngày, tập cho trẻ tự phục vụ.

- Tiếp tục duy trì, củng cố và phát triển những cảm xúc lành mạnh đối với người thân

- Phát triển khả năng nhạy cảm với âm nhạc và cảm xúc thẩm mỹ cho trẻ như nghe, vỗ tay theo nhạc, hát theo cô và với cái đẹp xung quanh.

Những yêu cầu cụ thể:

- Trẻ cân nặng, chiều cao phải đạt ở kênh A:

. Cân nặng: Trai từ 11,6 – 14,7 kg; Gái 11,4 – 13,9 kg.

. Chiều cao: // 89,4 cm – 96,5 cm; // 88,4cm – 95,6cm.

#. Chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ trong năm thứ ba

- Ăn 2 bữa chính, 1 bữa phụ

- ngủ một giấc trưa (3 tiếng)

- Đảm bảo vận động, nghỉ ngơi hợp lý

- Trẻ biết một số tự phục vụ...

* Tổ chức cho trẻ ăn uống:

- Chuẩn bị cho trẻ ăn
- Trong khi cho trẻ ăn
- Sau khi ăn

* Tổ chức cho trẻ ngủ:

- Chuẩn bị cho trẻ ngủ
- Chăm sóc giấc ngủ cho trẻ
- Cho trẻ thức

* **Tổ chức vệ sinh thân thể cho trẻ**

* **Tổ chức chơi - tập cho trẻ**

* **Chơi - tập có chủ định**

* **Chơi - tập buổi chiều**

1.4. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ lứa tuổi mẫu giáo

1.4.1. Chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ

- Đảm bảo các trình tự trong ngày
- Vận dụng linh hoạt không quá dài cũng không quá ngắn
- Chú ý đến đặc điểm cá nhân trẻ
- Rèn cho trẻ thói quen tự phục vụ, thói quen nề nếp trong sinh hoạt hàng ngày

1.4.2. Tổ chức thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ mẫu giáo

1.4.2.1. Đón trẻ

[]. Đón trẻ

Khi đón trẻ, cô phải nhẹ nhàng, dễ dàng và cho trẻ chơi đồ chơi mà trẻ thích. Trong giờ đón trẻ, cô giáo có thể trao đổi nhanh với phụ huynh về một số điều cần thiết để tiếp tục theo dõi, chăm sóc khi trẻ ở trường.

[]. Thể dục sáng

Thể dục sáng có thể cho trẻ tập trong nhà hoặc cho trẻ tập ngoài sân tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của phòng lớp và thời tiết.

[]. Điểm danh

Cần thực hiện dưới nhiều hình thức, nhằm làm cho trẻ biết tên và quan tâm đến nhau. Có thể cô lần lượt gọi tên từng trẻ.

1.4.2.2. Hoạt động có chủ định

Nội dung hoạt động được tiến hành có hệ thống, theo mục đích, kế hoạch đã được hoạch định trong kế hoạch tuần phù hợp với các lĩnh vực nội dung giáo dục trong chương trình.

[]. Thời gian tiến hành

Trong thời gian biểu, thời gian tiến hành hoạt động học có thể kéo dài trong khoảng thời gian từ 20 – 25 phút vào các buổi sáng trong ngày, sau khi đón trẻ. Thời gian đầu năm học, hoạt động không nên kéo dài quá 20 phút.

]] Nội dung thực hiện

Nội dung học có chủ định được tiến hành với những nội dung thuộc các hoạt động phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng sức khỏe; khám phá khoa học về thế giới tự nhiên, xã hội gần gũi và làm quen với toán: nghe kể chuyện, đọc thơ, kể chuyện sáng tạo, làm quen với đọc, viết: hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, dán, xếp hình); âm nhạc (hát, vận động theo nhạc, nghe hát, nhạc). Các hoạt động trên thường có nội dung phù hợp với các lĩnh vực giáo dục trong chương trình theo hướng tích hợp và gắn với chủ đề.

1.4.2.3. Chơi, hoạt động ở các góc

Tùy theo thời điểm và các mùa ở địa phương, thời gian tổ chức cho trẻ tham gia vào các trò chơi, nhóm chơi, hoạt động ở các khu vực (góc) hoạt động thường có thể tiến hành sau hoạt động học của trẻ hoặc sau thời điểm chơi và hoạt động ở ngoài trời.

]] Thời gian tiến hành

Thời gian tiến hành từ 30 – 40 phút đối với mẫu giáo bé, 35 đến 40 phút đối với mẫu giáo nhỡ, 40 đến 50 phút đối với mẫu giáo lớn.

]] Nội dung thực hiện

Hằng ngày, cô chuẩn bị môi trường, sắp xếp các góc chơi, tổ chức, hướng dẫn, gợi mở tạo điều kiện để cho mọi trẻ được tự do lựa chọn các nhóm chơi, tham gia vào các trò chơi, hoạt động tự nguyện, theo ý thích.

Hằng ngày, khi tổ chức hướng dẫn các trò chơi, cô nên có những gợi ý, khuyến khích các trẻ được luân phiên tham gia vào các nhóm chơi và các hoạt động khác, không nên để trẻ chơi hoặc hoạt động ở một nhóm nào đó quá lâu trong một tuần.

Kết thúc thời gian chơi và hoạt động ở các góc, cô cần hướng dẫn trẻ trong các nhóm chơi, cùng cô tự cất đồ chơi, sắp xếp đồ dùng, đồ chơi gọn gàng, ngăn nắp đúng quy

1.4.2.4. Chơi, hoạt động ngoài trời

Tạo điều kiện cho trẻ được tiếp xúc với không khí trong lành của thiên nhiên, rèn luyện sức khỏe, thiết lập mối quan hệ giữa trẻ với môi trường xung quanh, góp phần mở rộng vốn hiểu biết của trẻ về môi trường tự nhiên – xã hội; thỏa mãn nhu cầu chơi và hoạt động theo ý thích của trẻ.

]] Thời gian tiến hành: Thời gian tiến hành vào các buổi sáng không quá 40 phút.

]] Nội dung thực hiện: Tùy thuộc vào nội dung của chủ đề trong tuần, điều kiện của trường lớp, hoạt động ngoài trời có thể được tiến hành với một số nội dung, hình thức

hoạt động sau - Chơi tự do với các thiết bị, đồ chơi ngoài trời; làm đồ chơi và chơi với các vật liệu thiên nhiên như: cây, quả, hoa, lá, cát, sỏi, nước.

- Chơi với các trò chơi vận động dân gian mà trẻ yêu thích nhằm tăng cường khả năng vận động cơ thể như: chạy, nhảy, leo trèo, nắm bắt.

- Quan sát một số sự thay đổi của các hiện tượng thiên nhiên, âm thanh, thời tiết, cây cối, hoa lá, hoạt động của con người, con vật.

- Tham gia vào các hoạt động chăm sóc ở góc thiên nhiên : tưới cây, lau lá, nhặt lá, chăm sóc và cho các con vật yêu thích ăn.

- Dạo chơi trong sân trường, thăm các khu vực trong trường (thăm nhà bếp, phòng y tế, và các nhóm lớp khác...) hoặc tham quan ngoài khu vực trường như: công viên, sở thú, cánh đồng, cửa hàng, siêu thị, trường tiểu học, doanh trại bộ đội, xí nghiệp, nhà máy... thuộc cộng đồng dân cư gần trường.

[] Một số điều cần lưu ý :

Không nên triển khai cùng một lúc với tất cả những nội dung trên. Tùy theo tình huống, điều kiện cụ thể của trường lớp, mỗi ngày, cô nên lựa chọn và tổ chức cho trẻ thực hiện từ 2 đến 3 nội dung.

- Cô có thể cho trẻ tham gia khoảng 5-7 phút trò chơi vận động, trò chơi dân gian mang tính tập thể mà trẻ thích.

- Khi tổ chức thực hiện những nội dung trên, cô giáo cần tổ chức phối hợp hợp lý nội dung hoạt động có tính động (chạy, nhảy, leo, trèo) với những nội dung mang tính chất tĩnh.

- Trong quá trình chơi, cô luôn quan sát, bao quát trẻ với tất cả nhóm chơi trong sân trường, nhắc nhở trẻ không được chơi quá khu vực quy định của lớp...

- Khi trẻ chơi với vật liệu thiên nhiên, giáo viên cần chú ý bao quát, nhắc nhở trẻ không nên dụi tay bẩn lên mặt, mắt, nghịch bẩn quần áo của mình và của bạn.

- Những hôm cho trẻ đi ra xa ngoài khu vực sân trường (đi chơi, tham quan vườn hoa, công viên, cửa hàng mua bán, lăng Bác...), cô nên chuẩn bị chu đáo, lên kế hoạch cụ thể và liên hệ từ trước.

- Những hôm thời tiết mưa, quá lạnh không thể tổ chức cho trẻ chơi và tham gia vào các hoạt động ngoài trời, cô có thể cho trẻ chơi trò chơi vận động trong lớp và chơi trò chơi học tập, quan sát hiện tượng thay đổi của thời tiết.

- Đối với trẻ sức khỏe yếu, cô nên quan tâm khuyến khích trẻ tham gia vào các hoạt động, trò chơi phù hợp với sức khỏe và khả năng của trẻ.

- Kết thúc hoạt động, cô nên tập trung trẻ lại hướng dẫn trẻ vào lớp tự cất giày dép đúng nơi quy định, tự rửa tay, lau mặt nghỉ ngơi một vài phút và chuẩn bị cho hoạt động tiếp theo.

1.4.2.5. Vệ sinh, ăn trưa

Giờ ăn tiến hành trong khoảng 60 phút. Cô cần sắp xếp công việc một cách hợp lý từ khâu chuẩn bị ăn cho đến khâu vệ sinh sau khi ăn,

Hướng dẫn và tạo cho trẻ thói quen vệ sinh sạch sẽ trước khi ăn. Trường hợp lớp có hai cô thì phân công một cô giám sát trẻ lau mặt, rửa tay sạch sẽ trước khi ăn và cô còn lại kết hợp với một số trẻ trực nhật bữa ăn.

Sau khi trẻ ăn xong, cho trẻ cùng cô dọn dẹp chỗ ngồi ăn và nhắc nhở trẻ vệ sinh sạch sẽ, không cho trẻ chạy, nhảy nhiều sau khi ăn.

1.4.2.6. Ngủ trưa

Thời gian dành cho ngủ trưa là 150 phút. Cô nên bố trí thời gian thích hợp cho các bước chuẩn bị nơi ngủ, thời gian trẻ đi vệ sinh trước khi ngủ và đảm bảo thời gian cho trẻ ngủ đầy giấc.

1.4.2.7. Ăn phụ

Sau khi trẻ ngủ dậy, cô nhắc nhở trẻ tự đi vệ sinh và lau mặt, rửa tay sạch sẽ trước khi ăn phụ. Thời gian dành cho bữa ăn phụ là từ 40 – 50 phút.

1.4.2.8. Chơi và hoạt động theo ý thích buổi chiều

Thời gian tiến hành hoạt động này trong khoảng từ 50 – 60 phút, sau bữa ăn phụ buổi chiều. Lúc này, chủ yếu cô tổ chức cho trẻ tham gia vào các trò chơi, hoạt động theo ý thích trong các khu vực hoạt động. Tùy thuộc nội dung trong kế hoạch tuần, cô có thể tổ chức cho trẻ tham gia vào trò chơi vận động, trò chơi đóng vai, chơi ở các góc mà trẻ thích hoặc tham gia vào trò chơi học tập, trò chơi đóng kịch.

Nội dung chơi và hoạt động của trẻ thường gắn với chủ đề. Tuy nhiên, cô có thể gợi mở để trẻ tự lựa chọn nhóm chơi, nội dung hoạt động theo ý thích và phù hợp với trẻ. Trong thời gian này, cô gợi ý cho trẻ chọn nội dung hoạt động theo ý thích trên cơ sở phối hợp hợp lý giữa hoạt động có tính chất tĩnh với hoạt động có tính chất động.

1.4.2.9. Trả trẻ

Trong thời gian này, trước khi chuẩn bị ra về cô có thể cùng trò chuyện với trẻ, khuyến khích trẻ tự nhận xét, nêu các gương tốt trong ngày, tạo cho trẻ tâm trạng vui vẻ, hào hứng để có những ấn tượng tốt với lớp, với cô, với bạn, và ngày hôm sau trẻ lại thích đến trường. Hoạt động này tiến hành không nên quá 10 phút.

Trước khi ra về, cô hướng dẫn cho trẻ tự vệ sinh cá nhân. Trong thời gian chờ đợi bố mẹ đến đón, cô có thể cho trẻ chơi tự do với một số đồ chơi nhẹ nhàng.

2. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VỚI ĐỒ VẬT CHO TRẺ LỨA TUỔI NHÀ TRẺ

2.1. Ý nghĩa của hoạt động với đồ vật cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

- Nhờ người lớn hướng dẫn trẻ nắm được chức năng và phương thức sử dụng đồ vật.
- Nhờ hoạt động với đồ vật mà chức năng của đồ vật lần đầu tiên được bộc lộ ra trước đứa trẻ

- Hoạt động với đồ vật còn có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển vận động đặc biệt là sự khéo léo của bàn tay và ngón tay.

2.2. Đặc điểm của hoạt động với đồ vật cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

- Nhu cầu khám phá chức năng và phương thức sử dụng đồ vật thúc đẩy trẻ tìm tòi, khám phá thế giới xung quanh.

- Trẻ bắt đầu biết phân loại đồ vật theo nghề nghiệp.

- Tổ chức cho trẻ hành động công cụ như biết sử dụng các đồ vật, đồ dùng trong gia đình.

- Hành động thiết lập mối tương quan.

2.3. Phương pháp và biện pháp tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ

Tạo tình huống hấp dẫn và khéo léo đề ra nhiệm vụ cho trẻ khi tham gia hoạt động.

2.4. Các hình thức tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ

2.4.1. Tổ chức hoạt động chơi – tập có chủ định

- Bước 1: Ổn định

- Bước 2: Cô làm mẫu

- Bước 3: Cô tổ chức cho trẻ chơi – tập

- bước 4: Kết thúc chơi - tập

2.4.2. Tổ chức chơi – tập tự do ở các khu vực (góc)

- Bước 1: Ổn định

- Bước 2: Cô tổ chức cho trẻ chơi – tập

- bước 3: Kết thúc chơi - tập tự do

2.5. Những yêu cầu khi tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ

2.5.1. Yêu cầu về đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho trẻ

- Đồ dùng của cô

- Đồ dùng của trẻ

2.5.2. Yêu cầu về nội dung

Phải phù hợp với độ tuổi của trẻ

2.5.3. Yêu cầu về phương pháp, biện pháp hướng dẫn

- Hướng dẫn trẻ quan sát đồ vật, biết phân biệt lớn nhỏ, màu sắc...

- Khuyến khích trẻ hoạt động tích cực với đồ vật

- Đồ vật cho trẻ sử dụng trẻ phải thao tác được.

2.5.4. Yêu cầu về tổ chức

- Số trẻ tham gia phải hợp lý cho từng độ tuổi

- Tùy thuộc vào nội dung mà tìm vị trí thích hợp

- Địa điểm chơi tập phải thoáng mát, đầu tóc, quần áo gọn gàng.

2.5.5. Hướng dẫn thiết kế chơi - tập (hoạt động với đồ vật)

Căn cứ vào yêu cầu của giờ chơi – tập, nội dung trọng tâm, khả năng của trẻ và điều kiện thực tế của trường, nhóm, cô thiết kế giờ chơi - tập cho phù hợp, có tính khả thi. Cần thể hiện được những nội dung cơ bản sau:

- Tên đề tài:
- Đối tượng
- Số lượng trẻ
- Thời gian tiến hành
- Nội dung trọng tâm và các hoạt động chính: là gì?
- Nội dung tích hợp của các hoạt động khác: phù hợp với nội dung chính
- Ngày thực hiện :ngày mấy
- Người thực hiện: là ai

2.6. Đặc thù của việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ theo độ tuổi

Lứa tuổi	Trẻ dưới 1 tuổi	Trẻ 1 – 2 tuổi:	Trẻ 2 – 3 tuổi
Đặc điểm	<p>Trẻ ở lứa tuổi này thì giác và thính giác phát triển sớm nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháng thứ 2 trẻ có thể nhìn theo đồ vật có màu sắc sặc sỡ, trẻ nín khóc khi nghe tiếng hát ru hoặc giọng nói âu yếm của mẹ. - Tháng thứ 6 đến tháng thứ 9, trẻ rất thích cầm nắm, lắc, gõ, hoặc đưa đồ chơi lên miệng để gặm mút. - Cuối năm trẻ đã biết bắt chước người lớn một số hành động cụ thể với đồ vật, đồ chơi như: đóng mở nắp hộp, tháo lắp vòng, xếp chồng khối gỗ... Tuy nhiên, bàn tay của trẻ còn yếu, cử động của bàn tay và các ngón tay còn vụng về. 	<p>Khả năng hoạt động với đồ vật phong phú hơn trước, do trẻ được tiếp xúc và làm quen với nhiều đồ vật.</p> <p>Hoạt động với đồ vật đã mang tính mục đích: Biết cầm thìa, sử dụng cốc, khăn, biết xâu vòng để tặng cho em búp bê... Đây là bước phát triển quan trọng trong quá trình thao tác với đồ vật</p> <p>Dưới sự hướng dẫn của cô giáo trẻ bắt đầu hướng tới việc nắm bắt kinh nghiệm sử dụng đồ vật, nắm được qui trình thao tác.</p> <p>Khả năng ngôn ngữ và tư duy TQHD của trẻ phát triển, khả năng bắt chước, vốn kinh nghiệm HĐVDV tăng lên nhiều, vận động bàn tay, ngón tay trở nên linh hoạt hơn, khả năng phối hợp giữa giác quan với vận động đã phát triển.</p>	<p>Trẻ được tiếp xúc với đồ vật nhiều hơn, khả năng đi lại vững vàng, ngôn ngữ trẻ phát triển nhanh, mạnh, trẻ đã biết tên gọi, đặc điểm về màu sắc, tính chất, công dụng và cách sử dụng chúng. Ở giai đoạn này hoạt động với đồ vật của trẻ mang tính mục đích rõ ràng hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động mang tính chất thử nghiệm. - Cuối năm 2 xuất hiện thao tác vai. - Trẻ lên 3 tuổi vận động của bàn tay, ngón tay trở nên khéo léo hơn, linh hoạt hơn, các giác quan phát triển tinh hơn, sự phối hợp giữa vận động và giác quan đã nhịp nhàng, ăn ý... <p>Trẻ lên ba bắt đầu xuất hiện nhu cầu tự khẳng định mình, trẻ thích tự làm mọi thứ kể cả</p>

			những việc vượt quá khả năng của trẻ... Chính vì vậy, cô giáo cần phải khéo léo giúp trẻ tích lũy kinh nghiệm hoạt động với đồ vật... để trẻ có thể có tự phục vụ, thỏa mãn nhu cầu độc lập của bản thân.
Yêu cầu	<p>- <i>Trẻ cuối 6 tháng tuổi:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Biết nhìn theo đồ chơi di chuyển trước mặt. + Biết quay đầu về phía phát ra âm thanh. + Biết giơ tay về phía đồ chơi ở bất cứ hướng nào, biết cầm đồ chơi. <p>- <i>Trẻ cuối 12 tháng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi mà trẻ hay tiếp xúc. Khi được hỏi trẻ quay đầu hay chỉ tay về phía đồ dùng đồ chơi đó. + Trẻ bước đầu cùng làm với người lớn một số hành động công cụ, hành động thiết lập mối quan hệ: Đóng – mở nắp hộp, xếp chồng khối gỗ, tháo lắp vòng... Trẻ nói được một số từ đơn giản. 	<p>- <i>Cuối 18 tháng:</i></p> <p>Trẻ biết gọi tên, sử dụng một số đồ dùng đồ chơi theo công dụng của nó.</p> <p>- <i>Trẻ cuối 24 tháng:</i></p> <p>Trẻ hành động với đồ dùng đồ chơi khéo léo, chính xác hơn (xếp chồng nhiều khối gỗ lên nhau thành nhà cao tầng, tháp lắp vòng, xâu vòng, xúc cho búp bê ăn, nặn biết hai màu xanh – đỏ, phân biệt lịch thước to nhỏ của đồ vật)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có thể xếp chồng, xếp cạnh, cách nhau theo chủ đề. - Nhận biết phân biệt được 3 màu: Đỏ, xanh, vàng. - Trẻ nhận biết phân biệt đồ vật có sự khác biệt về kích thước to – nhỏ. - Gọi tên, biết đặc điểm về màu sắc, tính chất, công dụng và cách sử dụng của một số đồ dùng, đồ chơi. <p>Có một số kỹ năng thực hiện thao tác vai</p>
Nội dung	<p>- <i>Đối với trẻ 3 – 6 tháng tuổi:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghe âm thanh. + Cầm đồ chơi ở các tư thế khác nhau. <p>- <i>Trẻ 6 – 12 tháng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Ngồi cầm nắm, nhặt, buông thả đồ chơi. + Bỏ vào, lấy ra. + Xếp chồng hai vật lên nhau. + Đóng, mở nắp hộp. + Tháo, lắp vòng. <p>Ngoài các nội dung trên cô còn luyện cho trẻ co duỗi bàn tay, ngón tay ở mọi lúc, mọi nơi..</p>	<p>- <i>Trẻ 12 – 18 tháng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhặt vào, lấy ra. + Đóng mở nắp hộp. + Tháo lắp vòng vào giá (3, 4 vòng). + Xâu vòng vào que (3, 4 vòng). + Xếp chồng (3, 4 khối gỗ lên nhau) + Chơi với đồ chơi có màu xanh – đỏ. + Chơi với đồ chơi có kích thước to – nhỏ. + Sử dụng một số đồ dùng trong sinh hoạt: muông, cốc... <p>- <i>Trẻ 18 – 24 tháng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhặt đồ chơi theo kích thước to – nhỏ. + Đóng, mở nắp hộp. 	<p>- <i>Xếp hình:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Xếp chồng các khối lên theo chủ đề: cái bàn, nhà... + Xếp cạnh: Đường đi, tàu hỏa, cái ghế, cái giường... + Xếp cách: Hàng rào, cái cầu, công... <p>- <i>Nhận biết, phân biệt:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Hình dạng: Nhận biết, gọi tên hình tròn, hình vuông. + Màu sắc: Xanh, đỏ, vàng. + Kích thước: To – nhỏ. <p>- <i>Xâu hạt:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Trẻ xâu thành chuỗi.

		<ul style="list-style-type: none"> + Tháo, lắp 5,6 vòng vào giá. + Xâu vòng vào que (5, 6 vòng). + Xếp chồng (5, 6 khối gỗ lên nhau) + Xếp chồng 1, 2 khối gỗ lên nhau theo chủ đề: Nhà, ô tô... + Nhận biết, gọi tên đồ chơi có màu xanh- đỏ. + Nhận biết, gọi tên đồ chơi có kích thước to – nhỏ. + Sử dụng một số đồ dùng trong sinh hoạt: muỗng, cốc...cho búp bê ăn uống... 	<ul style="list-style-type: none"> + Xâu theo mẫu. - <i>Nặn</i>: Làm quen với đất nặn và các thao tác: Xoay tròn, lăn dài, ấn dẹt.. - <i>Trò chơi thao tác vai</i>: <ul style="list-style-type: none"> + Ru em ngủ. + Cho em ăn. + Nấu ăn. + Bán hàng. + Khám bệnh.
<p style="text-align: center;">Phương pháp hướng dẫn</p>	<p>Phương pháp tổ chức hướng dẫn trẻ thao tác với đồ vật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đối trẻ 3 – 6 tháng</i>: Để phát triển các giác quan và vận động: + Cô treo đồ chơi có màu sắc sỡ ở trên giường (nội) của trẻ. đồ chơi để cách ngực trẻ bằng chiều dài cánh tay trẻ để trẻ có thể với đồ chơi, cô giáo đung đưa nhẹ đồ chơi, tạo sự chuyển động cho đồ chơi. + Cô giáo lắc đồ chơi để tạo ra âm thanh cho trẻ nghe (to- nhỏ khác nhau) + Để giúp trẻ co duỗi bàn tay và các ngón tay bằng cách cô cho trẻ nắm chặt bàn tay mình, sau đó từ từ rút các ngón tay ra. + Muốn tập cho trẻ cầm nắm đồ chơi, cô giáo chọn đồ chơi có màu sắc sỡ, phát ra âm thanh để ở các vị trí khác nhau gần tầm với trẻ, sau khi trẻ lấy được đồ chơi cô giúp trẻ biết cách sử dụng. + Với trẻ lứa tuổi này, cô nên chơi tập với từng trẻ trong tâm trạng thoải mái, 	<p><u>Tổ chức hoạt động chơi tập có chủ đích:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thời gian</i>: buổi sáng sau giờ đón trẻ. + Trẻ 12 – 18 tháng: 8 – 10 phút. + Trẻ 18 – 24 tháng: 10 – 12 phút. - <i>Số lượng trẻ</i>: 10 trẻ (12 – 18 tháng) 12 trẻ (18 – 24 tháng) - Tiến hành: Bước 1: Ổn định, gây hứng thú cho trẻ (bằng nhiều bp). Bước 2: Cô Hướng dẫn mẫu - <i>Giáo viên giới thiệu đối tượng trẻ làm quen và phân tích chúng.</i> - <i>Giáo viên thực hiện thao tác rõ ràng, chậm rãi kết hợp giải thích.</i> - <i>Cô làm mẫu đảm bảo tất cả trẻ đều thấy rõ.</i> - <i>Số lần làm mẫu tùy theo mức độ khó dễ của nội dung và khả năng của trẻ.</i> Bước 3: Tổ chức cho trẻ chơi tập: Là bước trọng tâm. 	<p>Hướng dẫn chơi tập có chủ đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thời gian</i>: 12 – 15 phút. - <i>Số lượng trẻ</i>: 15 trẻ - Tiến hành: (Xem cụ thể ở cách tiến hành của trẻ 1-2 tuổi) Bước 1: Ổn định Bước 2: Cô giới thiệu mẫu, làm mẫu kỹ năng. Bước 3: Tổ chức cho trẻ tập. Bước 4: Kết thúc Phương pháp hướng dẫn như ở trẻ 1-2 tuổi, nâng cao yêu cầu và dựa vào dạng hoạt động... • Hướng dẫn chơi tập tự do: - <i>Thời gian khoảng</i>: 20 – 25 phút. Bước 1: Ổn định, giới thiệu đồ chơi. Bước 2: Tổ chức cho trẻ chơi tập. Bước 3: Kết thúc (Tham khảo hướng dẫn trẻ chơi tự do trẻ 1-2 tuổi).

<p>tránh gò bó, ép buộc trẻ chơi...</p> <p>- <i>Đối với trẻ 6 – 12 tháng:</i> Đối với trẻ giai đoạn này thích cầm, nắm, gõ, đập, lắc, nên giáo viên nên chọn đồ chơi ít phai màu, dễ lau rửa, không độc hại...đồ chơi vừa tay trẻ(không quá to – nhỏ), màu sắc phong phú, có phát ra âm thanh.</p> <p>* <i>Phương pháp tổ chức giờ tập</i> Phương pháp chủ yếu là cô làm cho trẻ xem và cùng chơi, cùng làm với trẻ.</p> <p>Đối với trẻ từ 6-12 tháng cô làm động tác để trẻ chú ý rồi cầm tay cho trẻ làm.</p> <p>* <i>Chú ý:</i> Nếu cô đang làm mà trẻ dúm tay vào thì cô không được hát tay trẻ ra.</p> <p>Có thể tổ chức giờ chơi tập ngay chỗ bé chơi. Giờ chơi tập tổ chức với từng cá nhân trẻ.</p> <p>Thời gian 3-5 phút: 1 tuổi có thể cho trẻ chơi tập ở một chỗ riêng.</p> <p>Phương pháp tổ chức giờ chơi tự do cho trẻ.</p> <p>Bày đồ chơi xung quanh trẻ hoặc treo đồ chơi ở trên giường cũ hoặc ở trên sàn trẻ. Chú ý: Phải thường xuyên thay đổi đồ chơi cho trẻ.</p> <p>Tổ chức trò chơi bỏ vào lấy ra thì ta bày dưới sàn và đồ phải cho bằng số lượng trẻ.</p> <p>Nội dung toàn bộ các hoạt động mà trẻ đã học hoặc chọn các trò chơi dân gian để luyện sự khéo léo của các cơ quan cảm giác.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Cô cho trẻ thực hiện.</i> - <i>Bao quát và duy trì hứng thú cho trẻ, sửa sai cho trẻ (trên mẫu của cô).</i> - <i>Khi hướng dẫn cá nhân tránh nói to ảnh hưởng đến trẻ bên cạnh.</i> <p>Bước 4: <i>Kết thúc (củng cố kiến thức trẻ đã học).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Có thể tổ chức bằng nhiều hình thức:</i> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Cho trẻ quan sát và chơi với sản phẩm trẻ làm.</i> + <i>Cho cả nhóm chơi trò chơi vận động....</i> + <i>Nhận xét – tuyên dương trẻ.</i> <p>- <u>Tổ chức chơi tự do trong nhóm:</u> sau giờ chơi tập, hoặc vào buổi chiều nhằm củng cố, ôn luyện nội dung HĐVĐV.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thời gian: 15 – 20 phút.</i> <p>Bước 1: <i>Ôn định trẻ (bằng các thủ thuật khác nhau).</i></p> <p>Bước 2: <i>Tổ chức hướng dẫn trẻ chơi tập.(theo nhóm cô quản lí)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đồ chơi đảm bảo số lượng.</i> - <i>Cô bao quát, giúp đỡ trẻ, động viên, khen ngợi kịp thời.Kịp thời đáp ứng nhu cầu của trẻ.</i> <p>Bước 3: <i>Kết thúc: Có nhiều thủ thuật.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Giáo viên đặt câu hỏi giúp trẻ nhớ mình đã chơi cái gì?</i> - <i>Cho trẻ ngắm nghía sản phẩm của mình.</i> - <i>Nhận xét ngắn gọn.</i> <p>Chơi trò chơi vận động...</p>	
--	--	--

2.7. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ở nhóm trẻ không cùng độ tuổi

- Phải nắm được sự tăng trưởng và phát triển của trẻ.
- Phải nghiên cứu chương trình chăm sóc trẻ ở từng độ tuổi.
- Phải chuẩn bị đồ dùng đồ chơi phù hợp với hoạt động...

3. HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CỦA TRẺ MẪU GIÁO

3.1. Khái niệm

Hoạt động vui chơi là một trong các loại hình hoạt động của trẻ ở trường mầm non, là hoạt động chủ đạo của mẫu giáo được người lớn tổ chức, hướng dẫn nhằm giúp trẻ thỏa mãn các nhu cầu về và nhận thức, đồng thời nhằm giáo dục và phát triển toàn diện cho trẻ lứa tuổi này.

3.2. Đặc điểm của hoạt động vui chơi

- Trò chơi trẻ em mang tính tự do, tự nguyện.
- Trò chơi trẻ em mang tính tự lực, tự điều khiển.
- Trò chơi trẻ em giàu tính tưởng tượng và sáng tạo.
- Trò chơi trẻ em giàu cảm xúc.
- Trò chơi trẻ em phản ánh môi trường xã hội mà cháu sống.

3.3. Nguồn gốc và bản chất của hoạt động vui chơi của trẻ mẫu giáo

3.3.1. Nguồn gốc

- Bản năng sinh học (nhu cầu của trẻ, tiêu hao năng lượng trong sức dư thừa của trẻ).
- Trò chơi trẻ em có nguồn gốc từ lao động (khi xã hội phát triển, có nhiều ngành nghề phức tạp, trẻ được hướng dẫn tham gia vào cuộc sống xã hội qua các trò chơi - tập).

3.3.2. Bản chất

- *Vui chơi của trẻ mang bản chất xã hội:*

+ Trước hết thể hiện ở nguồn gốc xuất hiện của các trò chơi của trẻ, nó được hình thành khi xã hội có sự phát triển nhất định và có các ngành nghề, lao động của con người trở nên phức tạp hơn, từ đó người lớn chế tạo các công cụ thành những vật nhỏ hơn để trẻ chơi - tập trên các đồ chơi, đồ vật đó giúp trẻ hình thành kỹ năng kỹ xảo trên đồ vật.

+ Trò chơi có thể gọi là tấm gương của xã hội vì nó phản ánh lại tất cả những gì mà trẻ thấy trong xã hội.

- *Hoạt động vui chơi đáp ứng nhu vận động, nhu cầu nhận thức, nhu cầu được như người lớn nhằm góp phần phát triển toàn diện nhân cách trẻ.*

3.4. Ý nghĩa hoạt động vui chơi đối với trẻ mẫu giáo

3.4.1. Chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo

[]. *Hoạt động chủ đạo:*

Hoạt động chủ đạo là hoạt động mà sự phát triển của nó qui định những biến đổi chủ yếu nhất trong các quá trình tâm lí và trong các đặc điểm tâm lí của nhân cách đứa trẻ ở giai đoạn phát triển nhất định của nó (Lêônchiev).

[]. *Đặc điểm hoạt động chủ đạo:*

- Là hoạt động có nội dung mới mẻ, chưa hề có trước đó. Chính nội dung này tạo ra cái mới trong tâm lí, tức là tạo ra sự phát triển.
- Là hoạt động có khả năng chi phối toàn bộ đời sống tâm lí của trẻ. Những quá trình tâm lí của trẻ được cải tổ, được tổ chức lại bằng hoạt động này.
- Là hoạt động có khả năng chi phối các hoạt động khác diễn ra đồng thời.

3.4.2. Hoạt động vui chơi là phương tiện giáo dục và phát triển toàn diện cho trẻ mẫu giáo

3.4.2.1. Chơi là phương tiện giáo dục toàn diện

[]. Hoạt động vui chơi là phương tiện giáo dục và phát triển trí tuệ cho trẻ:

[]. Hoạt động vui chơi là phương tiện giáo dục đạo đức:

[]. Giáo dục thể chất:

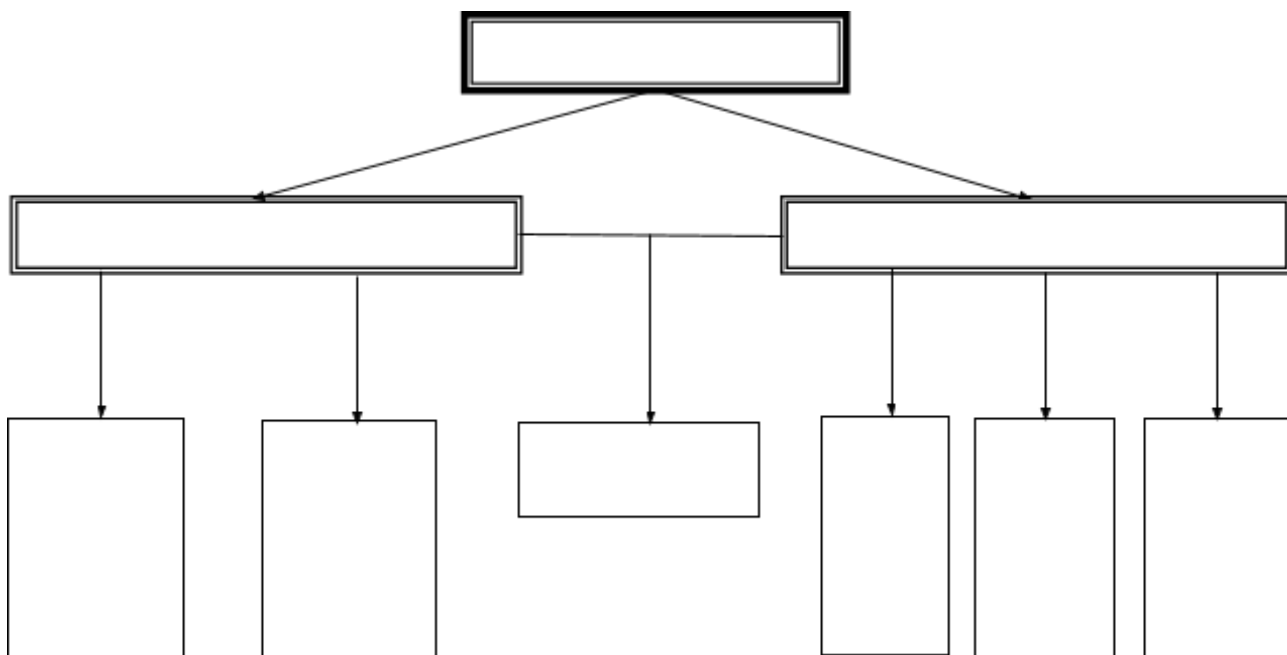
[]. Giáo dục thẩm mỹ:

[]. Giáo dục lao động:

3.4.2.2. Chơi là hình thức tổ chức đời sống của trẻ ở trường mẫu giáo

3.4.2.3. Mối quan hệ qua lại giữa chơi và lao động, học tập, tạo hình

3.5. Các loại trò chơi của trẻ mẫu giáo và cách hướng dẫn



3.5.1. Trò chơi đóng vai có chủ đề (ĐVCCĐ)

3.5.1.1. Bản chất của trò chơi đóng vai có chủ đề

Là loại trò chơi mà trẻ phản ánh lại những hành động, công việc, thái độ và quan hệ của người với người trong xã hội. Trong khi trò chơi này trẻ nhập vào các vai và cố gắng hành động phù hợp với vai mình đảm nhận. Đồng thời, trẻ tự thiết lập quan hệ với các vai chơi khác trong trò chơi

3.5.1.2. Đặc thù của trò chơi ĐVCCĐ

Trò chơi đóng vai có chủ đề có vai, có chủ đề, có nội dung và các mối quan hệ, có hoàn cảnh tương tự

3.5.1.3. Ý nghĩa của trò chơi:

- Thông qua quá trình tham gia vào trò chơi giúp trẻ hiểu được chân – thiện - mỹ. Từ đó bồi dưỡng cho trẻ tình cảm hướng thiện, giáo dục lòng nhân ái cho trẻ.
- Trong quá trình chơi, trẻ nhập vai và phản ánh tính cách của nhân vật bằng cử chỉ, hành động, điệu bộ, lời nói... Qua đó trẻ học được hình thức khẩu ngữ phong phú mang tính nghệ thuật, sinh động, góp phần phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
- Trò chơi đóng kịch góp phần phát triển trí tưởng tượng sáng tạo và phát triển tâm hồn nghệ sỹ cho trẻ, góp phần làm phong phú đời sống tinh thần của trẻ mẫu giáo.

3.5.1.4. Hướng dẫn trò chơi đóng kịch ở các lứa tuổi:

Cô giáo phải chú ý cung cấp làm giàu biểu tượng về cuộc sống xung quanh trẻ, giúp trẻ có một số vốn sống nhất định để từ đó trẻ có thể tái tạo lại chúng vào trong trò chơi của mình.

- Trong khi trẻ chơi cô giáo cần đặc biệt quan tâm đến nội dung chơi của trẻ, hướng trẻ vào việc mô phỏng những hiện tượng, những mối quan hệ của mọi người xung quanh, cần kịp thời uốn nắn những lệch lạc của trẻ khi có những nội dung tiêu cực.
- Tăng cường những cuộc tham quan dạo chơi thực tế cho trẻ làm quen với những sự kiện xã hội lành mạnh, gương người tốt việc tốt.
- Cô hướng dẫn cho trẻ cùng vào một hoạt động chung của nhóm, chỉ cho trẻ biết cách phối hợp hành động cùng nhau.
- Cô cần phát huy tính tích cực, tính tự lập cũng như óc sáng tạo của trẻ.
- Cô biết lồng yêu cầu giáo dục vào động cơ chơi của trẻ để điều chỉnh mối quan hệ trong nhóm.
- Cô cần lưu ý, trước khi tổ chức trò chơi đóng vai có chủ đề phải chuẩn bị cơ sở vật chất (chỗ chơi, vật liệu chơi, đồ chơi...) cũng như chuẩn bị tâm thế để trẻ bước vào trò chơi.

3.5.2. Trò chơi đóng kịch (TCDK)

3.5.2.1. Đặc thù của trò chơi đóng kịch

Là một loại trò chơi mà trong đó trẻ phản ánh lại những ấn tượng, nội dung của một câu chuyện, bài thơ có sẵn. Chủ đề được phản ánh lại một cách sáng tạo, TCDK góp phần phát triển ngôn ngữ, vốn sống cho trẻ.

- Trò chơi đóng kịch có chủ đề, nội dung, vai chơi nhưng nội dung vai chơi, hành vi, lời nói được xác định trước trong nội dung của tác phẩm văn học.
- Tính sáng tạo nghệ thuật thể hiện rõ trong trò chơi này. Trẻ tái hiện hình tượng văn học một cách sáng tạo tùy thuộc vào khả năng cảm thụ, nhận thức, tình cảm, ấn tượng của trẻ đối với nhân vật đó.
- Vai chơi trong loại trò chơi này có thể là người, là con vật được nhân cách hóa với những phẩm chất tính cách nổi bật: Hiền- ác, nhút nhát – dũng cảm...

3.5.2.2. Ý nghĩa của trò chơi

- Thông qua quá trình tham gia vào trò chơi giúp trẻ hiểu được chân – thiện - mỹ. Từ đó bồi dưỡng cho trẻ tình cảm hướng thiện, giáo dục lòng nhân ái cho trẻ.
- Trong quá trình chơi, trẻ nhập vai và phản ánh tinh cách của nhân vật bằng cử chỉ, hành động, điệu bộ, lời nói... qua đó trẻ học được hình thức khẩu ngữ phong phú mang tính nghệ thuật, sinh động, góp phần phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
- Trò chơi đóng kịch góp phần phát triển trí tưởng tượng sáng tạo và phát triển tâm hồn nghệ sỹ cho trẻ, góp phần làm phong phú đời sống tinh thần của trẻ mẫu giáo.

3.5.2.3. Điều kiện để tổ chức trò chơi đóng kịch

- Phải có tác phẩm văn học lành mạnh
- Phải có một số đạo cụ, phong màn, hóa trang...

3.5.2.4. Hướng dẫn trò chơi đóng kịch ở các lứa tuổi

- Phải lựa chọn tác phẩm văn học, cô đọc cho trẻ nghe, cùng trẻ kể lại cốt truyện, nhấn mạnh tính cách của từng nhân vật trong truyện, từ đó khơi gợi hứng thú cho trẻ đến với trò chơi.
- Lúc đầu cô đảm nhiệm vai chính, thông qua vai của mình chỉ cho trẻ cách truyền đạt nội dung, biểu diễn vai của mình bằng cử chỉ, điệu bộ, lời nói của nhân vật...
- Ai cũng sẽ được lần lượt thay phiên đóng vai các nhân vật trong nội dung cốt truyện.
- Cần chú ý đến việc làm đạo cụ, hóa trang cho phù hợp với từng nhân vật.
- Tạo cho trẻ luôn có cảm xúc với tác phẩm của mình thể hiện.
- Thường xuyên bổ sung những câu chuyện mới, phức tạp hơn về tình tiết, đa dạng về cấu trúc.
- Chơi xong phải dọn dẹp sạch sẽ, gọn gàng

3.5.3. Trò chơi lắp ghép – xây dựng

3.5.3.1. Bản chất của trò chơi

- Trò chơi xây – lắp là một loại trò chơi sáng tạo mà trong đó trẻ phản ánh lại những biểu tượng, ấn tượng về thế giới đồ vật ở x/quanh thông qua những kỹ năng tạo hình
- Nội dung trò chơi xd phản ánh lại những ấn tượng về biểu tượng thế giới đồ vật x/quanh.
- Hành động chơi: Xếp chồng, xếp cạnh, lắp ráp, ghép...

- Đồ chơi là những nguyên liệu xây dựng.

3.5.3.2. Đặc thù của trò chơi lắp ghép – xây dựng

- Trò chơi xây dựng là một trò chơi tạo ra sản phẩm.

3.5.3.3. Ý nghĩa của trò chơi lắp ghép – xây dựng

- Phát triển khả năng tri giác (nhất là tri giác không gian), phát triển tư duy và trí tưởng tượng, đồng thời phát triển năng lực cảm thụ và sáng tạo ra cái đẹp.

- P/tr khả năng sáng tạo, sự khéo léo của đôi bàn tay, ngón tay và n/ lực tạo hình ở trẻ.

3.5.3.4. Sự phát triển của trò chơi lắp ghép – xây dựng

Ngày một phát triển theo từng độ tuổi

3.5.3.5. Hướng dẫn trò chơi

- Cung cấp và mở rộng cho trẻ biểu tượng về hoàn cảnh xung quanh và giáo dục trẻ có hứng thú đến với hoạt động xây dựng.

- Dạy trẻ kĩ năng lắp ghép xây dựng cơ bản, kĩ năng tri giác đồ vật trong tiết học và trong buổi chơi tự do

- Cần cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất.

- Hướng dẫn trẻ thao tác với đồ chơi xây dựng, với vật liệu xây dựng.

- Trong quá trình chơi cô giúp trẻ dần dần ổn định chủ đề chơi, biết đoàn kết với bạn bè cùng chơi, cùng nhau thực hiện ý định chơi chung.

- Tạo điều kiện cho trẻ thể hiện phát huy năng lực lắp ghép xây dựng của mình.

- Cô cần kiểm tra đánh giá sản phẩm xây dựng của trẻ, góp ý để lần sau trẻ xây dựng được tốt hơn, đẹp hơn.

3.5.4. Trò chơi học tập

3.5.4.1. Bản chất của trò chơi học tập

Trò chơi học tập là trò chơi có luật, là trò chơi mà trong đó trẻ phản ánh lại những biểu tượng, hiểu biết của mình về thế giới xung quanh thông qua các kỹ năng nhận biết, phân biệt, liên kết các đối tượng tạo nhóm... để mở rộng và củng cố tri thức, rèn luyện kỹ năng thực hành và tư duy cho trẻ.

3.5.4.2. Đặc thù của trò chơi học tập

* *Nội dung chơi:*

Nhiệm vụ học tập chứa đựng trong nội dung của trò chơi xoay quanh các vấn đề: Củng cố tri thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển giác quan và ngôn ngữ cho trẻ...

* *Hành động chơi:* Là hệ thống các thao tác mà trẻ thực hiện trong quá trình chơi để giải quyết nhiệm vụ học tập chứa đựng trong nội dung chơi.

* *Luật chơi:* Mỗi trò chơi học tập đều có luật chơi - Đó là những qui định, qui ước việc thực hiện hành động chơi trong quá trình chơi, là tiêu chuẩn để đánh giá khả năng chơi của trẻ.

3.5.4.3. Ý nghĩa của trò chơi học tập

- Bất cứ trò chơi nào cũng hướng đến sự phát triển toàn diện các mặt nhân cách trẻ: Đức, trí, thể, mỹ, lao. Tuy nhiên, mỗi trò chơi chứa đựng chức năng trội của mình.
- Đó là trò chơi học tập nhằm phát triển hoạt động trí tuệ cho trẻ: Nhằm củng cố tri thức và phát triển các quá trình nhận thức: cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng.

3.5.4.4. Các loại trò chơi học tập

- Các trò chơi thuộc loại lô tô.
- Các loại tranh ghép hình đơn giản.
- Loại trò chơi “Chiếc túi kỳ diệu”.
- Các trò chơi luyện phát âm.
- Các trò chơi luyện tai nghe.
- Các trò chơi mở rộng vốn từ.
- Các trò chơi phát triển ngôn ngữ mạch lạc.

3.5.4.5. Hướng dẫn trò chơi học tập

- Trước hết cô phải phân biệt rõ ràng sự khác nhau giữa các trò chơi học tập và sự luyện tập.
- + Trò chơi học tập thì phải có nội dung (nhiệm vụ nhận thức)
- + Sự luyện tập chủ yếu là cô ra bài tập để trẻ làm hoàn thành bài tập ấy mà thôi.
- Trò chơi nào phải sử dụng trên tiết học? trò chơi nào sử dụng trong giờ chơi tự do? Trò chơi nào cho cá nhân trẻ, nhóm trẻ hay toàn lớp? Tùy từng nhiệm vụ giáo dục – phát triển mà lựa chọn trò chơi học tập cho phù hợp với trẻ.

Khi sử dụng trò chơi học tập cô giáo cần lưu ý:

- Trò chơi phải hấp dẫn để kích thích tính tích cực và tính tự lập của trẻ
- Trò chơi phải phù hợp với những tri thức, kĩ năng, kĩ xảo mà trẻ đã có.
- Nội dung chơi, hành động chơi và luật chơi phải được phức tạp dần.
- Cần lựa chọn trò chơi học tập đa dạng để luyện tập, để chơi nhằm gây hứng thú cho trẻ.
- Các trò chơi được sử dụng trên tiết học phải phù hợp và phục vụ cho nội dung học.
- Tùy vào độ tuổi mà lựa chọn trò chơi học tập và hướng dẫn trẻ chơi.
- Chú ý chuẩn bị đầy đủ các loại đồ chơi học tập phục vụ thiết thực cho trò chơi.

3.5.5. Trò chơi vận động

Trò chơi vận động là trò chơi mà khi trẻ tham gia chơi tức là trẻ giải quyết nhiệm vụ vận động như một nhiệm vụ thực hành dưới hình thức chơi vui vẻ.

3.5.5.1. Đặc điểm của trò chơi vận động

- * *Nội dung chơi:* (thực hiện nhiệm vụ vận động), các nhiệm vụ này thường được thể hiện dưới một hình tượng nào đó: Mèo, chuột... Chính vì thế, nội dung chơi dễ gây hứng thú chơi cho trẻ. Các nhiệm vụ vận động này là thành phần cơ bản của trò chơi.
- * *Hành động chơi:* Đó là những động tác vận động trong khi chơi.

* *Luật chơi*: Đó là các qui tắc, qui định mà trẻ phải tuân theo khi thực hiện hành động chơi, khi giải quyết nội dung chơi.

3.5.5.2. Ý nghĩa của trò chơi vận động

- Các nhiệm vụ chứa đựng trong trò chơi vận động là nhằm phát triển và hoàn thiện các vận động cơ bản, đồng thời rèn luyện các tố chất thể lực, trò chơi vận động được xem là phương tiện phát triển và giáo dục thể chất cho trẻ.
- Trò chơi vận động còn có tác dụng chống lại sự mệt mỏi, căng thẳng, trả lại trạng thái thăng bằng của hệ thần kinh, tạo niềm vui cho trẻ.
- Trò chơi vận động tạo điều kiện thuận lợi để giúp trẻ hình thành một số phẩm chất tốt, cần thiết cho con người trong lao động ở tương lai: Tính kiên trì, dũng cảm, thật thà...

3.5.5.3. Phân loại các trò chơi vận động

- Trò chơi dân gian
- Trò chơi có tác giả
- Trò chơi có chủ đề
- Trò chơi với dụng cụ thể thao

3.5.5.4. Hướng dẫn trò chơi vận động

Khi tiến hành trò chơi vận động cô giáo cần lưu ý:

- Chọn trò chơi phải chú ý đến tính chất vận động, tính hợp lý và dễ hiểu của luật chơi và nội dung giáo dục của trò chơi.
- Những trò chơi cho trẻ vận động cần phải cho trẻ học trước trong các giờ thể dục và phù hợp với từng độ tuổi của trẻ.

Khi bắt đầu một trò chơi mới không nên luôn sửa lỗi cho trẻ, vì làm như vậy sẽ giảm hứng thú ở trẻ.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất thật đầy đủ để trẻ chơi một cách thoải mái.

4. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CHO TRẺ MẪU GIÁO

4.1. Đặc điểm hoạt động học tập cho trẻ mẫu giáo

- Đối tượng của hoạt động học tập...
- Động cơ hoạt động học tập...
- Hứng thú nhận thức của trẻ...
- Ý chí của trẻ chưa bền vững
- Trẻ tư duy trực quan bên ngoài

4.2. Nội dung hoạt động học tập cho trẻ mẫu giáo

Tìm hiểu về thế giới tự nhiên, xã hội, bản thân... mang tính tích hợp được mở rộng và nâng cao dần.

4.3. Những nguyên tắc tổ chức hoạt động học tập có chủ định

- Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích

- Nguyên tắc dạy học vừa sức
- Nguyên tắc đảm bảo tính phát triển
- Nguyên tắc đảm bảo tính tích hợp
- Nguyên tắc phát huy tính tích cực, tự giác
- Nguyên tắc đảm bảo tính trực quan
- Nguyên tắc đối xử cá biệt

4.4. Tổ chức ngày hội – ngày lễ ở trường mầm non

4.4.1. Ý nghĩa của việc tổ chức ngày hội - ngày lễ ở trường mầm non

Tổ chức ngày lễ - ngày hội trong trường mầm non là phương tiện để giáo dục có hiệu quả, nhất là giáo dục đạo đức cho trẻ, giáo dục cho trẻ những xúc cảm thẩm mỹ, năng lực thẩm, tạo cho trẻ niềm vui chung, giúp trẻ cởi mở, gần gũi nhau hơn và có những hành vi ứng xử lịch sự, có văn hóa. Từ đó giúp trẻ có tình yêu đối với quê hương, đất nước, lòng biết ơn đối với ông bà, cha mẹ, thầy cô... Đồng thời giúp trẻ hiểu được những sự kiện văn hóa của xã hội.

4.4.2. Một số mục đích yêu cầu cần đạt khi tổ chức ngày hội - ngày lễ ở trường mầm non

- Việc tổ chức ngày lễ - hội phải đưa vào kế hoạch của trường, lớp ngay từ đầu năm học.
- Phải gây ấn tượng tốt, hấp dẫn, vui tươi cho trẻ.
- Nội dung chương trình phải đa dạng phong phú, có nhiều hoạt động của trẻ.
- Trang trí phải phù hợp với chủ đề tư tưởng của ngày lễ - hội.

4.4.3. Nội dung và hình thức tổ chức ngày hội - ngày lễ ở trường mầm non

1. Ngày hội bé đến trường.
2. Tết Trung thu
3. Ngày Nhà giáo Việt Nam.
4. Tết Nguyên đán.
5. Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3
6. Ngày Sinh nhật Bác Hồ 19/5
7. Ngày 22/12
8. Lễ tổng kết năm học.

4.4.4. Tiến trình tổ chức lễ - hội

Bao gồm phần lễ - Hội. tùy thuộc vào ngày lễ - hội chúng ta có thể làm phần lễ, hội trước hoặc sau).

- *Phần Lễ*: Bao gồm tuyên bố lí do, giới thiệu đại biểu, phát biểu của cô Hiệu trưởng hoặc đại biểu, lời phát biểu phải ngắn gọn, nhẹ nhàng, gần gũi với trẻ. Không nhất thiết phải giới thiệu đủ học tên, chức danh người đến dự.

- *Phần hội*: Sắp xếp các tiết mục biểu diễn sau cho xen kẽ, kết hợp với các loại hình : Cá nhân- tập thể ; động – tĩnh ; có thể xen kẽ các tiết mục của cô và cháu.(các tiết mục mang tính đa dạng, phong phú) nhưng phải phù hợp với chủ đề ngày hội.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích các nguyên tắc tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ em lứa tuổi mầm non. Trên cơ sở đó đánh giá thực trạng sự quán triệt các nguyên tắc này của trường mầm non mà em đang công tác.
2. Trình bày ngắn gọn những nội dung cơ bản của chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ.
3. Trình bày ngắn gọn những nội dung cơ bản của chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo.
4. Phân tích ý nghĩa của hoạt động với đồ vật đối với trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.
5. Trình bày các hình thức tổ chức hoạt động với đồ vật đối với trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.
6. Nêu những đặc thù cho việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em theo độ tuổi khác nhau
7. Trình bày về khái niệm và tính đặc thù của hoạt động vui chơi của trẻ mẫu giáo.
8. Phân tích ý nghĩa của hoạt động vui chơi đối với trẻ mẫu giáo.
9. So sánh trò chơi đóng vai có chủ đề với trò chơi lắp ghép xây dựng.
10. So sánh trò chơi đóng vai có chủ đề với trò chơi học tập.
11. So sánh trò chơi đóng vai có chủ đề với trò chơi đóng kịch.
12. Phân tích ý nghĩa của việc tổ chức ngày hội, ngày lễ ở trường mầm non.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Lập kế hoạch tổ chức chế độ sinh hoạt một ngày cho một lớp mẫu giáo và tổ chức thực hiện, có nhận xét và đánh giá.
2. Lập kế hoạch tổ chức tổ chức ngày hội, ngày lễ ở trường mầm non và tổ chức thực hiện ngày hội, ngày lễ có nhận xét và đánh giá.

CHƯƠNG 4:

PHỐI HỢP GIỮA GIA ĐÌNH VÀ NHÀ TRƯỜNG TRONG GIÁO DỤC TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON

1. GIÁO DỤC GIA ĐÌNH VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH TRẺ EM

1.1. Khái niệm về gia đình

Gia đình là một nhóm nhỏ xã hội, các thành viên trong nhóm có quan hệ gắn bó với nhau trên cơ sở hôn nhân hoặc huyết thống sâu sắc sinh sống, lớn lên và hình thành nhân cách của mình. Gia đình là cơ sở để duy trì nòi giống và là cơ sở của việc giáo dục thế hệ đang lớn lên.

1.2. Khái niệm về giáo dục gia đình

Giáo dục gia đình là quá trình những người lớn tuổi trong gia đình truyền đạt cho con cái mình những giá trị văn hóa xã hội và văn hóa gia đình trong hoạt động, giao tiếp và sinh hoạt hằng ngày nhằm hình thành ở con cái những năng lực, phẩm chất và thói quen cần thiết để hòa nhập vào cuộc sống xã hội, phù hợp với mong đợi của gia đình.

* Giáo dục gia đình có những đặc điểm đặc trưng sau:

- Giáo dục gia đình là giáo dục bằng tình cảm huyết thống sâu sắc ko gì thay thế được.
- Giáo dục gia đình được diễn ra thường xuyên liên tục mọi lúc mọi nơi, trong mọi hoàn cảnh.
- Nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục gia đình phụ thuộc vào quan điểm, truyền thống, trình độ văn hóa, học vấn của mọi thành viên trong gia đình.
- Giáo dục gia đình có mối liên hệ mật thiết với giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội.

1.3. Phương thức giáo dục trẻ trong gia đình

Việc dạy dỗ của gia đình được diễn ra ở mọi lúc, mọi nơi, mọi hoàn cảnh, trong mọi hoạt động, giao tiếp theo phương thức đặc biệt phương thức gia đình khác với phương thức nhà trường ở trường mầm non.

* Giáo dục gia đình đối với trẻ em có những đặc điểm sau:

- Giáo dục gia đình là giáo dục bằng tình cảm yêu thương ruột thịt không vụ lợi.
- Người lớn trong gia đình dạy trẻ bằng giao tiếp trực tiếp và thường xuyên với nó.
- Giáo dục gia đình được tiến hành chăm sóc, dạy dỗ từng đứa trẻ (kể cả trẻ sinh đôi)
- Tác động của gia đình đến trẻ thường bằng nhiều hình thức mang tính chất tích hợp và đượm màu sắc nghệ thuật.

1.4. Ý nghĩa của giáo dục gia đình đối với sự phát triển nhân cách của trẻ

- Gia đình là môi trường đầu tiên và mãi mãi ảnh hưởng đến toàn bộ cuộc sống của con người. Mẹ là người thầy đầu tiên của trẻ.

- Ở giai đoạn đầu của cuộc đời, đứa trẻ tiếp thu nền văn hóa, kinh nghiệm xã hội không phải bằng lý trí và tư duy khái niệm mà đơn giản là sự bắt chước, thông qua cử chỉ, tình cảm của người lớn xung quanh...

- Tình yêu của bố mẹ đối với con cái là yếu tố có hiệu quả nhất trong quá trình dẫn dắt trẻ thơ thích nghi dần với đời sống xã hội. Tình yêu và sự chăm sóc của bố mẹ đối với con cái trong những năm tháng đầu đời có ý nghĩa to lớn trong sự phát triển tâm hồn, tính cảm, đạo đức cá nhân.

- Giáo dục gia đình giúp trẻ tiếp cận, làm quen và lĩnh hội được một thế giới văn hóa hiện thực. Đối với trẻ, gia đình là mô hình đầu tiên được cảm nhận trực tiếp thông qua các mối quan hệ trong gia đình.

- Ưu thế của gia đình là có sự hiểu biết sâu sắc, cụ thể đối tượng giáo dục về các mặt trí lực, sức khỏe, cá tính, hoàn cảnh, điều kiện sống... do đó gia đình có biện pháp giáo dục áp dụng riêng cho từng trẻ. Chính môi trường gia đình đã hình thành cho trẻ niềm tin vào những người xung quanh và bản thân của trẻ.

- Thông qua giáo dục gia đình, đứa trẻ có những kinh nghiệm nhất định trong các mối quan hệ xã hội. Và những kinh nghiệm này chi phối cuộc sống sau này của trẻ vì trẻ coi những người lớn, bố mẹ là thân tượng để trẻ học tập và bắt chước làm theo.

2. PHỐI HỢP GIỮA GIA ĐÌNH VÀ NHÀ TRƯỜNG TRONG VIỆC GIÁO DỤC TRẺ EM

2.1. Ý nghĩa của sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục trẻ em

- Mỗi môi trường có thể mạnh giáo dục riêng cho trẻ. Do vậy việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục trẻ là rất cần thiết, vừa tạo sự thống nhất trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ giữa gia đình và nhà trường, tránh tình trạng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” trong công tác chăm sóc trẻ giữa gia đình và nhà trường.

- Giáo dục gia đình và nhà trường bổ sung cho nhau, hỗ trợ cho nhau trong công tác chăm sóc trẻ. Gia đình củng cố, mở rộng và rèn luyện những nội dung trẻ tiếp nhận ở nhà trường. Ngược lại, nhà trường phát huy vốn kinh nghiệm của trẻ trong gia đình vào việc giáo dục, rèn luyện những kỹ năng, thói quen cần thiết cho trẻ.

- Nhờ sự phối hợp này mà nhà trường (Cô giáo) biết được nét ăn, nét ở, sức khỏe, tâm trạng... của trẻ ở gia đình để đề ra những biện pháp giáo dục thích hợp và ngược lại.

2.2. Nội dung và hình thức phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác giáo dục trẻ

- Phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị chăm sóc và giáo dục trẻ.

+ Đồ dùng , đồ chơi, trang thiết bị chăm sóc – giáo dục trẻ để nâng cao phát triển toàn diện cho trẻ.

+ Đóng góp kinh phí để tạo điều kiện cho trường trang bị đầy đủ các phương tiện cần thiết cho các cháu.

+ Phải có sự đồng thuận cao giữa gia đình, nhà trường và chính quyền địa phương cũng như các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên.

- Phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ. Trong đó xác định rõ yêu cầu, nhiệm vụ của mỗi lực lượng giáo dục (gia đình, nhà trường) trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục trẻ trong từng thời kỳ.

+ Nhà trường cần có kế hoạch tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức nuôi dạy cho các bậc cha mẹ, giúp gia đình nắm được mục tiêu, nhiệm vụ chăm sóc – giáo dục trẻ của Đảng và nhà nước.

+ Tổ chức tốt mạng lưới hội cha mẹ học sinh để theo dõi công tác chăm sóc- giáo dục trẻ.

+ Gia đình phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hiện yêu cầu của nhà trường khi ở nhà.

+ Gia đình cần phải tiếp thu tri thức nuôi dạy trẻ theo khoa học từ phía nhà trường và vận dụng tốt vào trong công tác nuôi dạy con em mình. Phải có sự thống nhất giữa gia đình và nhà trường.

* Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường được thể hiện dưới 6 hình thức sau:

- Thành lập mạng lưới hội cha mẹ học sinh. (họp 3 kỳ trong năm)
- Tập huấn các lớp tập huấn cho các bậc cha, mẹ về phương pháp nuôi dạy trẻ theo khoa học.
- Mời đại diện các bậc cha, mẹ đến tham dự các hoạt động ở trường mầm non.
- Tổ chức thăm hỏi gia đình các cháu.
- Lập sổ bé ngoan.
- Trao đổi thường xuyên giữa cô và gia đình mỗi khi đón, trả trẻ.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích ý nghĩa của giáo dục gia đình đối với trẻ em lứa tuổi mầm non.
2. Phân tích phương thức giáo dục gia đình trong giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.
3. Phân tích các điều kiện cần thiết của giáo dục gia đình đối với trẻ mầm non đạt hiệu quả cao.
4. Phân tích ý nghĩa của sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

5. Phân tích nội dung và các hình thức phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

Bài tập 1. Đánh giá thực trạng giáo dục gia đình 3 trẻ em lứa tuổi mầm non ở địa phương anh (chị).

Bài tập 2. Anh (chị) thiết kế kế hoạch tổ chức một cuộc họp phụ huynh học sinh vào đầu năm học.

CHƯƠNG 5:

CHUẨN BỊ CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẪU GIÁO VÀO TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI CHUẨN BỊ CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẪU GIÁO VÀO TRƯỜNG PHỔ THÔNG

- Đối với trẻ em, việc đến trường phổ thông được coi là một bước ngoặt quan trọng đầu tiên của cuộc đời. Đó là sự chuyển qua một vị trí xã hội mới với những điều kiện hoạt động mới và những mối quan hệ mới.
- Các nhà giáo dục và các bậc cha mẹ cần phải quan tâm đến bước ngoặt này ở trẻ, một mặt là để giúp trẻ hoàn thiện những thành tựu phát triển trong suốt thời kỳ mẫu giáo, mặt khác tích cực chuẩn bị cho trẻ có điều kiện để thích ứng với cuộc sống ở trường phổ thông. Nếu trẻ em ở tuổi mẫu giáo được chăm sóc – giáo dục tốt, đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất, tâm lý, xã hội thì sẽ dễ dàng thích ứng với hoạt động học tập và cuộc sống ở trường phổ thông.
- Chuẩn bị tốt cho trẻ vào trường phổ thông còn có thể nâng chất lượng giáo dục của trường mầm non và chất lượng lớp một trường phổ thông lên một cách rõ rệt. Vì thế, trường mầm non chuẩn bị cho trẻ vào trường phổ thông là một tất yếu của quá trình giáo dục.

2. NỘI DUNG CHUẨN BỊ CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẪU GIÁO VÀO TRƯỜNG PHỔ THÔNG

2.1. Chuẩn bị tốt về mặt thể lực cho trẻ

- Chuẩn bị tốt về mặt thể lực cho trẻ không chỉ đơn giản là phát triển chiều cao, trọng lượng cơ thể (phát triển về lượng), mà điều chủ yếu và cần thiết là năng lực làm việc bền bỉ, dẻo dai, có khả năng chống lại sự mệt mỏi của thần kinh và cơ bắp; là rèn luyện cho các giác quan của trẻ em trở nên tinh nhạy hơn,... (phát triển về chất).

- Để chuẩn bị tốt về mặt thể lực cho trẻ, cần thực hiện một loạt chế độ sinh hoạt và rèn luyện một cách hợp lý.

2.2. Phát triển ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ cho trẻ em

- Phát triển ngôn ngữ cho trẻ lứa tuổi mầm non là phát triển ngôn ngữ nói thông qua hoạt động lời nói của trẻ trong quá trình giao tiếp với người lớn và bạn bè. Phát triển ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ cho trẻ em vừa giúp cho việc phát triển trí tuệ của trẻ vừa là phương tiện quan trọng để trẻ học tập có hiệu quả ở trường phổ thông.

- Phát triển ngôn ngữ cho trẻ là một quá trình lâu dài, người lớn – nhà giáo dục cần phải xây dựng kế hoạch phát triển ngôn ngữ cho từng độ tuổi, nội dung phức tạp hóa dần; đồng thời, có ý thức rèn luyện và phát triển ngôn ngữ cho trẻ một cách thường xuyên, liên tục ở mọi lúc, mọi nơi, mọi hoạt động. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ bao gồm:

+ Cung cấp cho trẻ vốn từ (ngày càng phong phú về môi trường tự nhiên, xã hội), giúp cho trẻ hiểu được nghĩa của từ (có nghĩa phức tạp và mang tính khái quát dần) và khuyến khích trẻ hoạt động lời nói một cách tích cực;

+ Tạo điều kiện cho trẻ diễn đạt một cách rõ ràng mạch lạc ý nghĩ, nguyện vọng của bản thân, uốn nắn kịp thời ngôn ngữ của trẻ;

+ Thường xuyên tổ chức cho trẻ nói chuyện, trao đổi với nhau.

2.3. Trang bị cho trẻ những hiểu biết nhất định về thế giới xung quanh

- Những hiểu biết về thế giới xung quanh là điều kiện, phương tiện giúp cho trẻ lĩnh hội tri thức trong quá trình học tập ở trường phổ thông.

- Những hiểu biết nhất định về thế giới xung quanh mà trường mẫu giáo cần trang bị cho trẻ là kiến thức về tự nhiên (như: các vật vô sinh, hữu sinh, các hiện tượng tự nhiên,...) và kiến thức về đời sống xã hội (như: nghề nghiệp, ngày lễ, phong tục tập quán,...). Trong quá trình trang bị những kiến thức về thế giới xung quanh, giáo viên cần tập cho trẻ biết hệ thống hóa kiến thức, biết sắp xếp, phân loại các sự vật, hiện tượng của thế giới xung quanh.

2.4. Rèn luyện cho trẻ biết sử dụng các thao tác trí tuệ và hình thành ở trẻ tình thần yêu thích hoạt động trí óc

- Yêu thích hoạt động trí óc, sự linh hoạt trong việc sử dụng các thao tác trí tuệ để nhận thức thế giới sẽ giúp trẻ thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập ở trường phổ thông.

- Yêu thích hoạt động trí óc, sự linh hoạt trong việc sử dụng các thao tác trí tuệ để nhận thức thế giới là kết quả của quá trình giáo dục lâu dài, liên tục ở mọi lúc, mọi nơi, mọi hoạt động của trẻ. Giáo viên cần kiên trì trong việc gợi mở, khuyến khích trẻ quan sát, phân tích, so sánh, khái quát, suy luận,... bên cạnh việc phát huy tính tích cực nhận thức ở trẻ để trẻ làm quen và hiểu biết thế giới xung quanh.

2.5. Hình thành cho trẻ khả năng định hướng trong không gian và thời gian

- Khả năng định hướng trong không gian và thời gian không chỉ giúp trẻ thích ứng với môi trường sống mà còn là điều kiện cần thiết để trẻ tiếp thu, lĩnh hội chương trình học tập ở trường phổ thông.

- Hình thành khả năng định hướng trong không gian và thời gian là một quá trình lâu dài, qua mọi hoạt động của trẻ. Trong đó, trò chơi và “tiết học” giữ vai trò chủ đạo.

2.6. Rèn luyện cho trẻ khả năng điều khiển sự tập trung chú ý và sự nỗ lực ý chí trong việc giải quyết những nhiệm vụ trí óc căng thẳng

- Những yêu cầu của hoạt động học tập ở trường phổ thông đặt ra cho công tác giáo dục mầm non nhiệm vụ hình thành, rèn luyện cho trẻ sự tập trung chú ý có chủ định và sự nỗ lực ý chí để giải quyết nhiệm vụ trí óc căng thẳng.

- Trong quá trình tổ chức các hoạt động cho trẻ, nhà giáo dục cần:

+ Đặt ra cho trẻ mục đích, nhiệm vụ quan sát, ghi nhớ và hoàn thành công việc theo yêu cầu;

+ Đòi hỏi trẻ biết lắng nghe sự chỉ dẫn và phục tùng những yêu cầu của người lớn;

+ Khuyến khích trẻ độc lập – tích cực trong công việc;

+ Tăng dần yêu cầu về mức độ tập trung chú ý, thời gian chú ý và sự nỗ lực ý chí của trẻ trong công việc;

+ Hình thành ở trẻ kỹ năng chú ý có chủ định tới những đối tượng mà tự nó không hấp dẫn nhưng lại cần thiết để lĩnh hội tri thức.

2.7. Giúp trẻ làm quen với hoạt động nghệ thuật

- Cho trẻ tiếp xúc, làm quen với các loại hình nghệ thuật là điều kiện cần thiết để trẻ tiếp thu, lĩnh hội được nội dung dạy học các môn học mang tính chất nghệ thuật ở trường phổ thông.

- Để giúp trẻ làm quen với các loại hình nghệ thuật, trường mầm non phải thực hiện tốt chương trình giáo dục âm nhạc, hoạt động tạo hình, ngôn ngữ và phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh,...

2.8. Cho trẻ làm quen với các con số, chữ cái và tập cho trẻ một số kỹ năng cần thiết của hoạt động học tập

- Làm quen ở đây không có nghĩa là dạy cho các cháu tập đọc, tập viết, tập làm tính,... mà chính là giúp trẻ có những biểu tượng về số lượng, nhận dạng được các chữ cái, và có một số kỹ năng ban đầu của hoạt động học tập.

- Thông qua việc thực hiện chương trình chăm sóc – giáo dục mầm non, giáo viên cần:

+ Cung cấp cho trẻ biểu tượng về số lượng từ 1 đến 10; tập cho trẻ biết so sánh số lượng (ít – nhiều), nhận dạng các chữ số từ 1 đến 10;

+ Cung cấp cho trẻ biểu tượng về chữ cái; tập cho trẻ nhận dạng một cách chính xác chữ cái, vị trí không gian các nét chữ, chữ cái trong một tập hợp chữ cái tạo ra từ, câu, và phát âm chính xác các chữ cái;

+ Hình thành cho trẻ một số kỹ năng: cầm bút, cầm sách, mở sách, ngồi đúng tư thế,...

2.9. Giúp trẻ làm quen với một số hành vi đạo đức và cách ứng xử giữa người với người trong trường phổ thông

- Việc cho trẻ làm quen với một số hành vi đạo đức và cách ứng xử giữa người với người trong trường phổ thông ngay từ lứa tuổi mẫu giáo sẽ giúp cho trẻ thích ứng nhanh chóng với môi trường sống và hoạt động ở trường phổ thông.

- Qua các hoạt động cùng nhau, giáo viên:

+ Tập cho trẻ quen dần với sinh hoạt trong nhóm bạn, thiết lập các mối quan hệ tốt đẹp để qua đó hình thành ở trẻ những động cơ xã hội, ý thức tập thể;

+ Rèn luyện cho trẻ những thói quen vệ sinh cá nhân, nếp sống văn hóa, vệ sinh nơi công cộng và một số thói quen giữ gìn sức khỏe.

2.10. Hình thành ở trẻ lòng mong mỏi, ham muốn được đi học, được trở thành một học sinh

- Chuẩn bị tốt 9 nội dung trên (2.1 – 2.9) là điều kiện tốt làm nảy sinh ở trẻ lòng mong mỏi, ham muốn được đi học, được trở thành một học sinh phổ thông.

- Lòng mong mỏi, ham muốn được đi học, được trở thành một học sinh phổ thông là sản phẩm của cả quá trình giáo dục lâu dài ở trường mầm non. Trong quá trình giáo dục, giáo viên phải:

+ Khêu gọi ở trẻ lòng mong mỏi, háo hức được đi học, được làm một học sinh;

+ Thông qua các hoạt động, cung cấp cho trẻ hiểu biết về các nghề, hỏi các cháu lớn lên thích làm nghề gì và nhấn mạnh muốn làm được nghề đó các cháu phải đi học;

+ Giúp trẻ có những biểu tượng chính xác về trường phổ thông, những yêu cầu của nhà trường phổ thông,... qua việc tổ chức cho trẻ chơi trò chơi đóng vai có chủ đề, tham quan trường tiểu học điển hình, tham gia những hoạt động cùng nhau giữa trường mầm non và trường tiểu học nhân những ngày lễ lớn, ngày hội,...

3. HÌNH THỨC VÀ BIỆN PHÁP CHUẨN BỊ CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẪU GIÁO VÀO TRƯỜNG PHỔ THÔNG

3.1. Tổ chức tốt các hoạt động của trẻ ở trường mầm non

- Tổ chức tốt các hoạt động, thực hiện tốt chương trình chăm sóc và giáo dục mầm non là một trong những hình thức, biện pháp có hiệu quả để chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một.

- Hiệu quả của việc tổ chức các hoạt động cho trẻ ở trường mầm non phụ thuộc rất lớn vào công tác giảng dạy và giáo dục của giáo viên. Giáo viên cần:

+ Nắm vững các hoạt động, các đặc điểm tâm lý của trẻ trong độ tuổi;

+ Xây dựng kế hoạch cho hoạt động một cách hệ thống – khoa học;

+ Phải có kỹ năng tổ chức các hoạt động cho trẻ.

3.2. Phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục của giáo dục gia đình với giáo dục của trường mầm non, trong đó, giáo dục nhà trường giữ vai trò chủ đạo

Dựa trên những yêu cầu chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1, trường mầm non xây dựng phương hướng kết hợp và thống nhất với gia đình về mục tiêu, nội dung, phương pháp, biện pháp và hình thức chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một.

Gia đình cần thực hiện nghiêm túc mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ mà trường mầm non đã vạch ra; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho trường mầm non thực hiện có hiệu quả công việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một.

3.3. Xây dựng mối quan hệ thống nhất giữa giáo dục của trường mầm non với giáo dục của trường tiểu học

Giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông là hai giai đoạn kế tiếp nhau trong một quá trình giáo dục con người. Vì vậy, giáo dục ở hai giai đoạn này phải có tính liên tục, kế thừa. Cho nên, cần xây dựng mối quan hệ thống nhất giữa giáo dục của trường mầm non với giáo dục của trường tiểu học.

- Trường mầm non, giáo viên mầm non cần nghiên cứu chương trình giáo dục, chương trình học tập của trường tiểu học - nhất là lớp Một, những yêu cầu, nội quy học tập của trường tiểu học; trên cơ sở đó, tổ chức các hoạt động giáo dục của trường mầm non nhằm giúp trẻ thích ứng nhanh chóng với nội dung nhiệm vụ và những yêu cầu của hoạt động học tập khi trẻ vào lớp Một.

- Trường tiểu học, đặc biệt là giáo viên lớp Một cần nghiên cứu chương trình giáo dục mầm non, những thành quả giáo dục mà trẻ đã đạt được; để trên cơ sở đó, kế thừa, phát huy những thành quả đã có trong công tác giáo dục học sinh.

- Trường mầm non cần tổ chức cho trẻ đi tham quan và làm quen với học sinh, giáo viên lớp Một, với môi trường học tập của học sinh ở trường tiểu học nhằm tạo điều kiện cho trẻ gần gũi nhau, hiểu biết những hoạt động của nhau.

- Khi trẻ vào lớp Một, giáo viên lớp Một cần nắm được hồ sơ giáo dục của từng trẻ, làm cơ sở cho việc xây dựng phương hướng, kế hoạch giáo dục thích hợp cho từng trẻ. Đồng thời, giáo viên mầm non cũng nên theo dõi kết quả học tập và hành vi của các em đã chuyển lên học phổ thông, tìm hiểu những khó khăn thường gặp của các em khi học tập và rèn luyện ở trường phổ thông, từ đó, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả của công tác chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích ý nghĩa của việc chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo vào trường phổ thông.
2. Trình bày nội dung công tác chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo vào trường phổ thông.
3. Có một số quan niệm về việc chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo vào trường phổ thông. Theo anh (chị) quan niệm nào là tốt nhất? Vì sao?

4. Trình bày các hình thức chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo vào trường phổ thông.
5. Hãy cho biết suy nghĩ của anh (chị) về nội dung, ý nghĩa của việc kiểm tra, đánh giá đầu vào của học sinh lớp Một.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

Anh (chị) hãy cho biết thực trạng việc chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo vào trường phổ thông của một trường mầm non ở địa phương mình..

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Thanh Âm (Chủ biên), *Giáo dục học mầm non*. Tập 1,2,3 NXB Đại học Sư phạm, 2006.
2. Bộ giáo dục và Đào tạo, *Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non nhà trẻ (3-36 tháng tuổi)*, NXB Giáo dục, 2007
3. Bộ giáo dục và Đào tạo, *Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non nhà trẻ (3 – 4 tuổi)*, NXB Giáo dục, 2007
5. Bộ giáo dục và Đào tạo, *Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non nhà trẻ (4 - 5 tuổi)*, NXB Giáo dục, 2007
6. Bộ giáo dục và Đào tạo, *Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non nhà trẻ (5 – 6 tuổi)*, NXB Giáo dục, 2007
7. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên) *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học Sư phạm, 2007.
8. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên) *Giáo dục học*, NXB Giáo dục, 2001
9. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên) *Giáo dục mầm non – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm, 2007.
10. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên) *Tổ chức – Hướng dẫn trẻ mẫu giáo chơi*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1996.
11. Lê Thanh Vân, *Giáo trình sinh lý trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm, 2006.
12. Nguyễn Khắc Viện, *Phát triển tâm lý trẻ em trong năm đầu*, NXB Khoa học Xã hội 1994
13. Nguyễn Khắc Viện – Nguyễn Thị Thật, *Tuổi mầm non – Tâm lý giáo dục*, NXBTP. Hồ Chí Minh, 1990